

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2010

### TÊN TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

<b>Tên công ty:</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM</b>
<b>Tên tiếng anh:</b>	DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt:</b>	<b>PINACO</b>
<b>Trụ sở chính:</b>	Số 321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
<b>Điện thoại:</b>	(84.8) 3920 3062 – 3920 3063
<b>Fax:</b>	(84.8) 3920 3060 – 3920 3061
<b>Email:</b>	<a href="mailto:pinaco@pinaco.com.vn">pinaco@pinaco.com.vn</a>
<b>Website:</b>	<a href="http://www.pinaco.com">www.pinaco.com</a>
<b>Vốn Điều lệ:</b>	205.352.720.000 VNĐ (Hai trăm lẻ năm tỷ ba trăm năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng)
<b>Ngành nghề kinh doanh:</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Sản xuất pin, ắc quy;</li><li>– Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm pin ắc quy, vật tư, thiết bị cho sản xuất, kinh doanh pin, ắc quy;</li><li>– Cho thuê văn phòng, kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá và sàn giao dịch bất động sản).</li></ul>
<b>Giấy CNĐKKD:</b>	Số 4103002690 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 5 ngày 12 / 05 /2009.

### Lịch sử hoạt động của Công ty:

Tiền thân Công Ty Cổ Phần Pin Ắc Quy Miền Nam là Công Ty Pin Ắc Quy Miền Nam do Tổng cục Hóa chất quyết định thành lập vào ngày 19/04/1976. Công ty được thành lập trên cơ sở quốc hữu hóa toàn bộ các nhà máy sản xuất Pin & Ắc quy tại phía Nam bao gồm: pin Con Ó (Vidopin), pin Con Mèo, pin Hột Xoàn, nhà máy bình điện VABCO và nhà máy bình điện VIDEKO.

Ngày 25/05/1993, theo Nghị định 388 của Chính phủ về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Công Nghiệp nặng, nay là Bộ Công Thương ra quyết định số 304/QĐ/TCNSĐT thành lập lại Công ty Pin Ắc quy Miền Nam (PINACO) trực thuộc Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam, nay là Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam.

### Sự kiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước:

Thực hiện chủ trương của Nhà nước, Công ty chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết Định số: 53/2004/QĐ9-BCN ngày 21/6/2004 của Bộ Công Nghiệp.

Ngày 01/10/2004 PINACO chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/9/2004.

Với sự kiện này, PINACO được miễn thuế TNDN trong 2 năm 2005, 2006 và giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm 2007, 2008, 2009.

#### **Sự kiện Niêm yết :**

PINACO niêm yết trên sàn giao dịch TP HCM theo Giấy Phép Niêm yết cổ phiếu số 69/UBCK-GPNY ngày 9/11/2006 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 12/12/2006 với giá giao dịch là 40.000 đồng / cổ phiếu, mã chứng khoán giao dịch: **PAC**.

Với sự kiện này, PINACO được giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm 2010, 2011.

#### **Quá trình phát triển:**

Từ ngày thành lập cho đến nay PINACO đã trải qua nhiều giai đoạn khó khăn của thời kỳ bao cấp cũng như nhiều diễn biến phức tạp trong thời kỳ đổi mới.

PINACO luôn tự hào về mình “trong mọi hoàn cảnh vẫn đồng tâm hiệp lực vững bước đi lên, chủ động sáng tạo sớm tiếp cận với quan điểm mới, tiên tiến trong công tác quản lý và khoa học kỹ thuật, đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại của thế giới”. Quá trình phát triển tuy có khó khăn nhưng cũng đã mang lại kết quả đáng tự hào cho công ty nói riêng và ngành sản xuất Pin và Ấc quy nói chung, niềm tự hào của đất nước có một doanh nghiệp đủ lớn mạnh và phát triển không ngừng.

#### **Năng lực sản xuất qua các thời kỳ phát triển:**

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khi tiếp quản	Năm 1990	Năm 2000	Năm 2009	Tỷ lệ
Pin	Tr.viên	41	25	115	250	610 %
Ấc quy	Kwh	21.000	48.000	400.000	1.200.000	5.714 %

Sản phẩm của PINACO.

HÌNH ẢNH	SẢN PHẨM
	<p><b>Pin các loại:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pin đại R20C/UM1/D-Size</li> <li>- Pin đại R20P/UM1/D-Size</li> <li>- Pin trung R14/UM2/C-Size</li> <li>- Pin tiểu R6P/UM3/AA-Size</li> <li>- Pin đũa R03/UM4/AAA-Size</li> <li>- Pin Ankaline LR6/UM3/AA-Size</li> <li>- Pin Ankaline LR03/UM4/AAA-Size</li> </ul>
	<p><b>Ắc quy khởi động dành cho xe ô tô</b> Gồm các chủng loại với dung lượng từ 32 Ah đến 200 Ah</p>
	<p><b>Ắc quy CMF</b> Gồm các chủng loại với dung lượng từ 35 Ah đến 100 Ah</p>
	<p><b>Ắc quy dân dụng:</b> Gồm các chủng loại với dung lượng từ 20 Ah đến 45 Ah</p>
	<p><b>Ắc quy kín và Ắc quy truyền thống dành cho xe gắn máy</b> Gồm các chủng loại với dung lượng từ 2Ah đến 12Ah.</p>
	<p><b>Ắc quy xe đạp điện - UPS</b> Gồm các chủng loại 4.5 Ah đến 7.2 Ah</p>

## **Sản phẩm của PINACO được chia thành hai nhóm chính:**

- **Nhóm sản phẩm ắc quy:** PINACO cung cấp đa dạng các loại ắc quy chì-axít cho xe hơi, xe tải, xe gắn máy và dân dụng (thấp sáng). Các nhãn hiệu được sử dụng là: Đồng Nai, JP, PINACO. Sản phẩm ắc quy mà PINACO cung cấp có tính năng vượt trội, dung lượng cao, rất ít hao nước và tuổi thọ cao, đạt các tiêu chuẩn quốc tế (DIN 43539 của Đức và JIS D5301 - D5302 của Nhật Bản).

Nhóm sản phẩm ắc quy của PINACO chiếm trên 50% thị phần trong nước về mảng thị trường thay thế, chiếm 80% thị phần mảng thị trường (OEM) cung cấp cho các hãng lắp ráp xe Ô tô sản xuất trong nước như: Ford, Hyundai, Suzuki, Mercedes, Trường Hải, Chiến Thắng ...

Sản phẩm Ắc quy cũng đã được xuất khẩu sang các thị trường Campuchia, Trung Đông, Brunei, Hồng Kông, Nigeria, Algeria, Ai Cập, Arap Saudi, Yemen, Myanmar...

- **Nhóm sản phẩm pin:** mang nhãn hiệu Con Ó, Super, X. Power. Các chủng loại pin do PINACO cung cấp khá đa dạng: R03 (AAA), R6 (AA), R14, R20. PINACO là nhà cung cấp duy nhất sản phẩm Pin R03, R6 cho các công ty điện tử nổi tiếng trên thế giới hiện có nhà máy ở Việt Nam như: SamSung Vina, Daewoo, Hanel, Belco.

## **Thành tích đạt được**

### **Từ 1990 - 1996:**

- Nhà nước trao tặng các huân chương: Huân chương Lao động Hạng Ba, Hạng Nhì, và Hạng Nhất cho toàn Công ty.
- Nhận Cờ thi đua của Chính phủ tặng đơn vị xuất sắc nhiều năm liền.

### **Từ 1997 - 2004:**

- Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất, Huân chương Độc Lập Hạng Ba cho Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai.
- Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba cho Xí nghiệp Pin Con Ó, Xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn.
- Nhận Cờ thi đua và Bằng khen "Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền (1995-1999)" của Thành ủy TP.HCM.
- Năm 2000, Công ty vinh dự được Nhà nước phong tặng "Đơn vị Anh hùng Lao động trong Thời kỳ Đổi mới".
- Năm 2004, Công ty được Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam tặng cờ thi đua.

### **Từ 2005 - 2009:**

- Năm 2005, Công ty được Nhà nước phong tặng Huân chương Độc Lập Hạng 2.
- Năm 2009, sản phẩm của PINACO được người tiêu dùng bình chọn 14 năm liên tiếp là Hàng Việt Nam Chất lượng cao, và là 1 trong 100 Thương hiệu mạnh của Hàng Việt Nam Chất lượng cao.
- Sao Vàng Đất Việt 2009.

- Năm 2009, Công ty được tặng cờ thi đua Chính phủ và của Tổng Liên đoàn Lao Động Việt Nam, bằng khen của Tổng cục thuế, đồng thời nhận danh hiệu “Cổ phiếu vàng” và nằm trong top 20 doanh nghiệp được xếp hạng tín dụng uy tín.

#### **Hệ thống quản lý chất lượng:**

- Từ năm 1999 đến hết năm 2001, PINACO áp dụng hệ thống ISO phiên bản ISO 9002:1994.
- Từ năm 2002 đến 2008, PINACO áp dụng Hệ thống ISO phiên bản ISO 9001:2000, năm 2009 đã cập nhật ISO 9001:2008.
- Hiện tại PINACO cũng đang áp dụng phương pháp quản lý sản xuất theo 5S và thực hiện hệ thống quản lý theo ISO/TS16949.

#### **Hệ thống quản lý môi trường:**

- PINACO đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2004 nhằm bảo vệ môi trường “xanh sạch đẹp”.

#### *Lễ khởi công xây dựng Nhà Máy Ấc Quy PINACO Nhơn Trạch*



# PINACO NHÀ SẢN XUẤT PIN & ẮC QUY HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

Thời điểm 31/12/2009

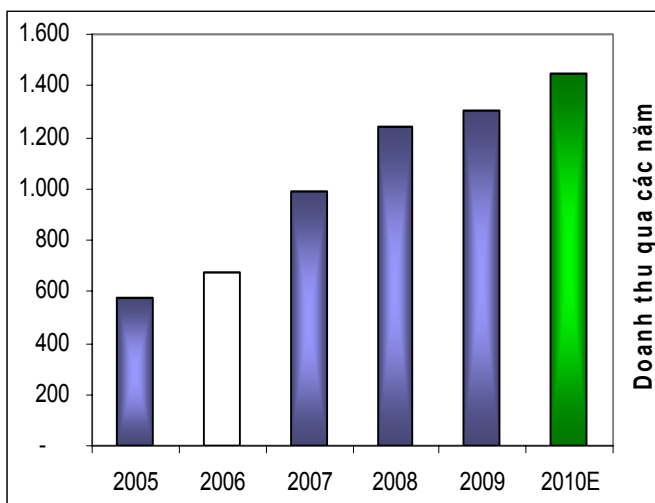
Vốn điều lệ	<b>205</b> Tỷ đồng
Số lượng cổ đông	<b>950</b> Cổ đông
Tổng tài sản	<b>670</b> Tỷ đồng
Doanh thu	<b>1.305</b> Tỷ đồng
Lợi nhuận	<b>178</b> Tỷ đồng
Thị trường	Bao phủ 63 tỉnh thành trên cả nước
Hệ thống phân phối	211 Đại lý & Nhà phân phối
Tiếp cận	20.900 Điểm bán hàng

# MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2010

DOANH THU

**1.450**

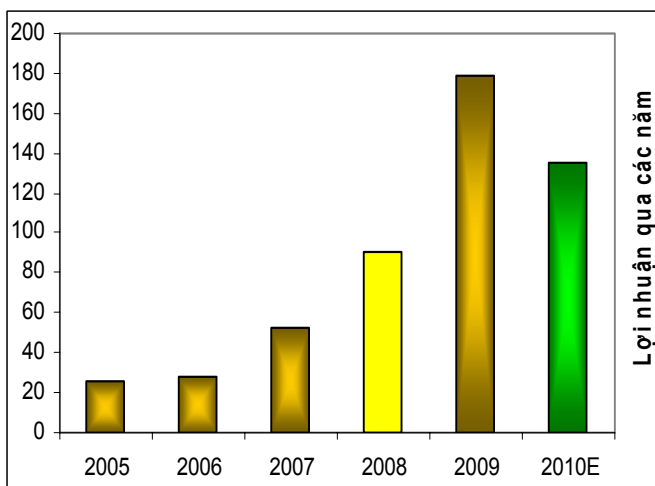
TỶ ĐỒNG



LỢI NHUẬN

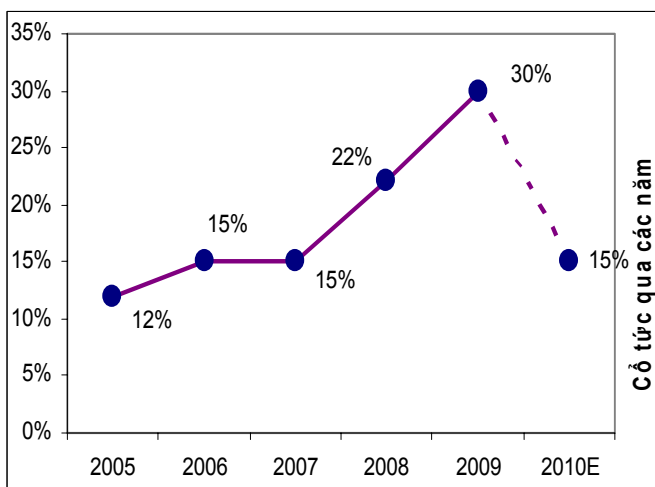
**135**

TỶ ĐỒNG



CỔ TỨC

**15%**



# CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ - QUẢN LÝ TRUNG VÀ DÀI HẠN

<p>Đến năm 2016, nâng mức đầu tư nhà máy Ấc Quy PINACO Nhơn Trạch – Đồng Nai đạt công suất 2 triệu Kwh/năm</p>	<p>Tháng 8/2009, Công ty chính thức khởi công xây dựng nhà máy Ấc quy PINACO Nhơn Trạch. Dự kiến 10/2010 công trình hoàn thành và chính thức sản xuất ra sản phẩm. Hiện nay ban quản lý dự án phát huy mọi nỗ lực để điều hành tiến độ công trình đúng với kế hoạch đề ra, trong đó sẽ ưu tiên sớm nhất cho khâu bột chì để sản xuất bột chì vào tháng 6/2010 kịp thời cung cấp bột chì cho hai nhà máy Ấc quy hiện hữu đang bị thiếu hụt phải nhập khẩu từ nước ngoài.</p> <p>Quy hoạch tổng thể, sắp xếp lại trong phạm vi 3 nhà máy sản xuất Ấc quy nhằm hợp lý hóa, chuyên môn hóa sản xuất giữa các chủng loại sản phẩm để phát huy triệt để hiệu suất thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, tiết kiệm chi phí.</p> <p>Nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới: Ấc quy trạm, Ấc quy viễn thông và sản xuất đại trà Ấc quy CMF tại nhà máy mới.</p> <p>Mở rộng hợp tác quốc tế để chuyển giao công nghệ mới cho sản xuất ắc quy VRLA.</p> <p>Dự kiến năm 2013 tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 của dự án để nâng công suất sản xuất nhà máy từ 600.000 Kwh/năm lên 1,2 triệu Kwh/năm. Trên cơ sở bổ sung các thiết bị máy móc với tổng số vốn đầu tư dự kiến là 10 triệu USD.</p> <p>Đến năm 2016 thực hiện giai đoạn 3 của dự án đầu tư công suất của nhà máy lên mức 2 triệu Kwh/năm trên cơ sở đầu tư nhà xưởng và thiết bị máy móc, công nghệ theo mục tiêu đầu tư sản xuất các loại Ấc quy mới theo xu hướng tiêu dùng mới của thị trường ngang tầm các chủng loại ắc quy được sản xuất từ Châu Âu. Vốn đầu tư dự kiến khoảng 15 triệu USD.</p> <p>Trong năm 2010, tiếp tục đầu tư thiết bị lẻ nâng 10% công suất của 2 nhà máy Ấc quy cũ để đáp ứng nhu cầu của thị trường trong giai đoạn nhà máy mới chưa hoàn thành đi vào sản xuất.</p>
<p>Sản xuất kinh doanh trong môi trường "xanh sạch đẹp"</p>	<p>Năm 2009, đầu tư mở rộng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai đạt tiêu chuẩn nước thải loại A. luôn luôn chung các xí nghiệp được cải tạo trang bị cây xanh, hoa, và hồ nước tạo cảnh quan trong lành và sạch đẹp. PINACO đang lập hồ sơ thực hiện ISO14.000 về quản lý môi trường.</p>



MARKETING	Xây dựng hệ thống Marketing: lựa chọn tư vấn để củng cố phát triển hoạt động Marketing nghiên cứu thị trường, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ bán hàng.
Hệ thống bán hàng	<p>Đẩy mạnh quảng bá và giới thiệu rộng rãi "sản phẩm mới" ra thị trường: Ấc quy kín gấn máy, Ấc quy CMF.</p> <p>Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho hệ thống phân phối để tăng cường mức độ và cường độ bao phủ thị trường trên cả nước.</p> <p>Tiếp tục hỗ trợ các thị trường xuất khẩu truyền thống, mở thêm thị trường mới để lấp khoảng trống dư thừa về năng lực sản xuất trong giai đoạn đầu khi nhà máy mới đi vào hoạt động.</p>
SAP ERP - Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp	Năm 2009, PINACO triển khai thành công hệ thống SAP ERP. Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp, năm 2010 thực hiện vận hành giai đoạn 1 với các phân hệ cơ bản, đồng thời tiếp tục triển khai giai đoạn 2 cho các phân hệ quản trị bán hàng, quản trị nhân sự cùng với việc tổ chức lại cơ cấu các phòng ban chức năng phù hợp với ERP.
Kiểm soát nội bộ, và kiểm soát rủi ro	<p>Quản trị tốt rủi ro, đặc biệt là rủi ro tài chính, rủi ro về thị trường, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và quy chế trong công ty, tái cấu trúc theo hướng gọn nhẹ nhưng hiệu quả, trao quyền, tổ chức linh hoạt để dễ dàng thích ứng với biến động của thị trường.</p> <p>Năm 2009 PINACO đang từng bước tiến hành xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro, tiếp tục triển khai trong năm 2010 để phù hợp với hệ thống ERP.</p>
Tiếp tục phát triển nguồn nhân trẻ và xây dựng mô hình :" <i>Khách hàng là trung tâm</i> "	<p>Năm 2010 vẫn là thời điểm tốt để PINACO thu hút thêm nhân lực trẻ, có trình độ để đáp ứng kịp thời cho tổ chức quản lý phù hợp với quy mô ngày càng mở rộng và phát triển không ngừng. Đẩy mạnh công tác tự đào tạo, nâng cao trình độ quản lý nhằm thích ứng với với những phương cách quản lý mới, phù hợp với những đổi mới của xã hội.</p> <p>Xây dựng mô hình "Khách hàng là Trung tâm"; Trong mọi hoạt động luôn hướng tới khách hàng và thỏa mãn nhu cầu, thị hiếu của khách hàng trên cơ sở: Uy tín, chất lượng, hiệu quả.</p>

## Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT gửi Quý cổ đông:

### *Kính thưa quý vị cổ đông;*

Năm 2009 nền kinh tế nước ta đã trải qua cơn khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế khá nặng nề, đặc biệt là vào những tháng đầu năm đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ và tài chính tiền tệ. Cuối quý 2 và đầu quý 3 trở đi, khi các chính sách chống suy thoái của kinh tế vĩ mô bắt đầu phát huy tác dụng, kinh tế nước ta dần dần được hồi phục tuy nhiên chưa hồi phục hoàn toàn mà còn nhiều những bất ổn, chứa đựng tiềm ẩn những rủi ro.

Trong bối cảnh chung đó, PINACO bước vào thực hiện kế hoạch năm 2009 cũng đã trải qua nhiều khó khăn, với sự nỗ lực quyết tâm không ngừng của cán bộ công nhân lao động và sự ủng hộ, đồng lòng của quý cổ đông đã giúp công ty đạt được kết quả kinh doanh năm 2009 khá tốt.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2009	So sánh %		Ghi chú
			Kế hoạch	Cùng kỳ	
Doanh thu	Tr. Đồng	<b>1.304.783</b>	109 %	105 %	<b>Lợi nhuận(TT):</b> có hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 53 tỷ đồng năm 2008 <b>Cổ tức:</b> đã chia 15% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2009
Lợi nhuận (TT)	Tr. Đồng	<b>177.486</b>	187 %	196 %	
Lợi nhuận (ST)	Tr. Đồng	<b>147.755</b>	178 %	189 %	
Cổ tức	%	<b>* 30%</b>	200%	136%	
EPS	Đồng	<b>9.072</b>	180%	166%	

### *Kính thưa quý vị;*

Suy thoái kinh tế năm 2009 thực sự đã làm chậm lại sự phát triển của nước ta, nhất là chúng ta đang ở giai đoạn phát triển tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên đây cũng là một bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn cho tất cả các nhà lãnh đạo, nhà quản lý kinh doanh. Suy thoái giống như là cơ quan tổ chức sắp xếp lại quy mô, cơ cấu các ngành nghề, cơ cấu lại doanh nghiệp, nó cũng như là thước đo giá trị doanh nghiệp, đồng thời trong cùng một lúc, suy thoái đã phơi bày tất cả các rủi ro ở mọi phương diện, mọi lĩnh vực, ngành nghề, nó có mối liên quan trực tiếp từ việc mất cân đối giữa thu và chi tiền tệ, từ mất cân đối giữa quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ, giữa quy mô hoạt động và tầm kiểm soát, giữa lao động và thu nhập. Giữa những quan điểm kinh doanh cổ thủ sợ rủi ro hay là táo bạo không cần biết rủi ro, hoặc chấp nhận rủi ro....

Qua hoạt động kinh doanh năm năm 2009, Công Ty Cổ Phần Pin Ác Quy Miền Nam càng thấy tin tưởng hơn vào chính mình và những giá trị đích thực của doanh nghiệp, với quy mô sản xuất lớn và tầm kiểm soát thị trường rộng đó là thế và lực vững chắc giúp con tàu PINACO

vượt qua mọi sóng gió bão táp của biển cả. Chúng tôi đã nhận thấy rằng với đường lối chính sách rõ ràng, cùng với chiến lược đầu tư thận trọng, đúng hướng đã giúp Công ty hạn chế thấp nhất các rủi ro ngay cả trong thời kỳ suy thoái.

Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2009 đã thông qua chỉ tiêu doanh thu 1.200 tỷ đồng, và lợi nhuận là 95 tỷ đồng & chia cổ tức  $\geq 15\%$ . Với kết quả đạt được: Doanh thu tăng 9 % nhưng sản phẩm tiêu thụ tăng gần 22% (giá bán giảm 15% so với năm 2008) và lợi nhuận tăng trên 87%. Một trong những yếu tố thành công của Công ty năm 2009 nói riêng và các năm qua nói chung là sự “Tiến công không ngừng” trong mọi hoạt động của Công ty. Trong điều kiện khó khăn khách quan của suy thoái kinh tế, ban lãnh đạo điều hành Công ty đã quyết tâm “Chủ động cạnh tranh để mở rộng thị phần đẩy mạnh tiêu thụ”.

Công ty cũng đã có nhiều chủ trương, biện pháp để đổi mới tổ chức, thay đổi lề lối, tác phong làm việc, đồng thời với việc tuyển dụng phát triển đội ngũ nhân sự quản lý, chuyên gia kỹ thuật ... để đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty và chuẩn bị cho nhà máy Ấc quy Nhơn Trạch.

Trong năm qua Hội Đồng Quản Trị cũng đã quyết định phát hành tăng 40 tỷ vốn Điều lệ bằng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và chi trả cổ tức 30% trong đó 10% dự kiến trả bằng cổ phiếu.

#### **Kính thưa Quý vị:**

Năm 2010 được dự báo là năm kinh tế thế giới và trong nước phục hồi, nhưng thời gian nào là phục hồi hoàn toàn, có định đoán được chưa?; Còn nhiều khó khăn - Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu, nguy cơ tái lạm phát trong nước ...

Chúng tôi hy vọng rằng với uy tín chất lượng, thương hiệu PINACO và tiềm lực Công ty hiện nay cùng với tinh thần trách nhiệm, tinh đoàn kết gắn bó, tinh chủ động sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân lao động PINACO thì dù có khó mấy cũng sẽ vượt qua. Hội Đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công kế hoạch năm 2010.

Trân trọng kính chào!

#### **Chủ tịch HĐQT**

**Nguyễn Thị Kim Thảo**

# NĂM BÁO CÁO 2009

## I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG

Năm 2009 gắn liền với sự kiện đỉnh cao của sự suy thoái toàn cầu. PINAO vẫn tiếp tục ghi nhận một năm hoạt động đầy ấn tượng mang lại hiệu quả kinh tế cao, là doanh nghiệp sản xuất Pin & Ắc quy duy nhất của Việt Nam được niêm yết trên thị trường chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán **PAC**. Toàn thể lãnh đạo và cán bộ công nhân lao động trong công ty đã nỗ lực quyết tâm thúc đẩy sản xuất phát triển hoàn thành suất sắc nhiệm vụ, tạo niềm tin cho cổ đông, các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

**Kết quả hoạt động qua các chỉ tiêu:**

*Đơn vị tính : triệu đồng*

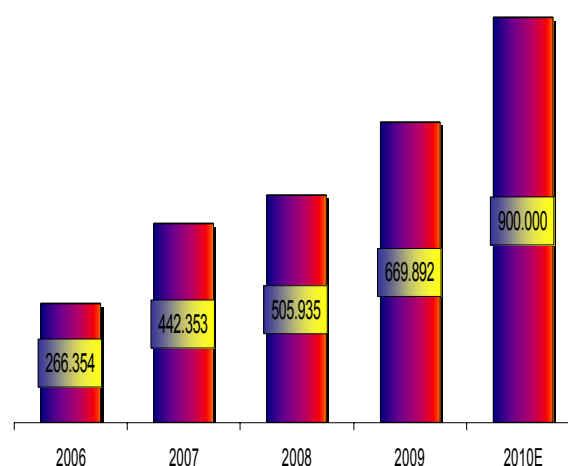
Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2006
Doanh thu	1.304.783	1.241.779	989.815	674.068
Lợi nhuận	177.486	90.603	52.241	28.189
Nộp ngân sách	128.424	114.764	81.266	48.653
Cổ tức	30%	22%	15%	15%

Sự thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009, PINACO tiếp tục khẳng định sự phát triển liên tục không ngừng và bền vững ổn định trên thị trường Việt Nam, khẳng định vị trí trên thị trường quốc tế và khu vực. Thương hiệu và uy tín ngày càng được nâng cao, thể hiện sự cam kết trách nhiệm với nhà nước, với cổ đông và các nhà đầu tư, với toàn thể khách hàng và cán bộ công nhân lao động PINACO.

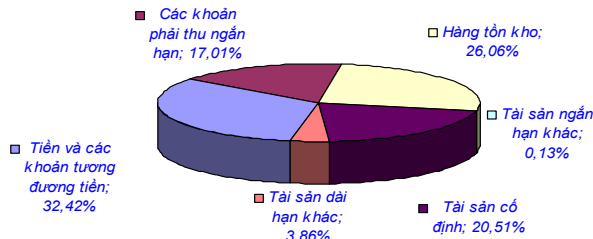
### 1. Tài sản :

Tài sản công ty liên tục được hình thành mới và tăng lên qua từng năm, trong 3 năm 2007, 2008, 2009 giá trị tổng tài sản tăng 2,5 lần so với năm 2006, mức tăng bình quân là 37%/năm, chủ yếu tài sản hình thành là máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất và tài sản lưu động để duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh sản phẩm Pin&Ắc quy. Dự kiến 2010 khi nhà máy Ắc quy mới Nhơn Trạch xây dựng hoàn thành, giá trị tổng tài sản nâng lên mức 900 tỷ đồng.

Biểu đồ tổng tài sản qua các năm



## Cơ cấu tài sản



Giá trị tổng tài sản đến cuối năm 2009 là: 669.892 triệu đồng, Cơ cấu tài sản có sự thay đổi so với năm 2008, tỷ lệ tài sản dài hạn từ 21,57% tăng lên 24,37%, tài sản ngắn hạn từ 78,43% giảm xuống còn 75,62%. Giá trị tài sản tăng chủ yếu do đầu tư thiết bị máy móc nâng công suất ắc quy để có đủ năng lực sản xuất sản phẩm cho thị trường. Tài sản lưu động được cân đối phù hợp trên từng khoản mục nhằm tiết kiệm vốn kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo thể và lực cho mọi hoạt động diễn ra bình thường.

Cụ thể:

Tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao được tích lũy tăng dần trong năm: số cuối năm so với đầu năm tăng 87 tỷ đồng nâng mức dự trữ tiền tệ lên: 217 tỷ đồng đảm bảo tính thanh khoản cao, nhất là vào thời kỳ kinh tế suy thoái, nếu có tiền và tính thanh khoản cao thì rủi ro thấp và tạo ra nhiều cơ hội trong hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định tăng 51 tỷ đồng chủ yếu do đầu tư thiết bị lẻ nâng công suất của 2 nhà máy ắc quy từ 1 triệu Kwh/ năm lên 1,2 triệu Kw/năm.

Phải thu của khách hàng tăng 34 tỷ, năm 2009 cùng với mục tiêu tăng trưởng thị phần công ty đã tăng mạnh số lượng hàng hóa

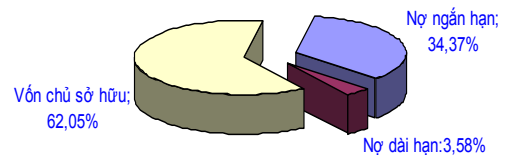
bán ra, đồng thời có chính sách dẫn công nợ cho Đại lý do vậy tại thời điểm cuối năm nợ phải thu tăng lên.

Dự trữ tồn kho giảm 76 tỷ đồng, với mức tăng trưởng 22% sản lượng sản phẩm tiêu thụ nên lượng dự trữ trong kho luôn luôn ở mức thấp nhất có thể duy trì hoạt động sản xuất và bán hàng.

## 2. Nguồn vốn.

Tổng nguồn vốn Công ty được tích lũy và huy động tăng để phù hợp với tốc độ tăng tài sản để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất và kinh doanh, cơ cấu nguồn vốn ổn định với tỷ lệ 60/40 giữa vốn chủ sở hữu và nợ phải trả khẳng định tính chủ động về vốn kinh doanh.

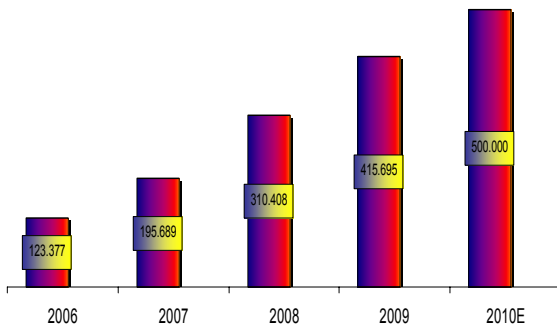
## Cơ cấu nguồn vốn



Vốn chủ sở hữu liên tục được tích lũy tăng lên qua từng năm, trong 3 năm 2007, 2008, 2009 tổng vốn chủ sở hữu tăng 3,28 lần so với năm 2006, mức tăng bình quân là 109%/năm. Vốn chủ sở hữu tích lũy tăng lên chủ yếu là do hiệu quả kinh doanh cao nên đã tích lũy được từ lợi nhuận để lại. Giá trị vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2009 là: 415.695 triệu đồng, tăng 95 tỷ đồng so với đầu năm. trong năm Công ty đã chuyển đổi 40,3 tỷ đồng từ nguồn quỹ phát triển thành vốn góp của cổ đông thông qua việc phát

hành 25% cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Biểu đồ vốn chủ sở hữu qua các năm



### 3. Vốn điều lệ.

Tính đến 31/12/2009, vốn Điều lệ công ty là 205.352.720.000 đồng, tăng 25% so với năm 2008. Trong năm công ty đã thành công việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tổng số cổ phiếu phát hành là 4,.035.272 cổ phiếu và được niêm yết bổ sung trong tháng 12/2009, việc tăng cổ phiếu niêm yết đã tạo thêm tính thanh khoản đối với cổ phiếu PAC.

### 4. Công tác tiêu thụ thị trường.

Năm 2009, mức tăng trưởng sản lượng sản phẩm bán ra tăng 22% so với năm 2008 trong đó nội địa tăng 20%, xuất khẩu tăng 27% cho thấy công tác tiêu thụ thị trường có những thành công lớn, trước tình hình kinh tế suy thoái có nhiều khó khăn, trong năm 2009 công tác thị trường đã xây dựng được mục tiêu cụ thể và có nhiều chính sách linh hoạt mang lại hiệu quả thiết thực đồng thời tạo tiền đề cho phát triển doanh số trong tương lai:

Củng cố và phát triển hệ thống phân phối bao trùm khắp các vùng miền trên cả nước thông qua hệ thống Đại lý & Nhà phân phối đến từng cửa hiệu. Năm 2009 phát triển thêm 6 Đại lý và tiếp cận thêm 5.000 điểm

bán hàng. Đội ngũ quản lý giám sát khu vực luôn bám sát địa bàn, gần gũi đồng viên tạo điều kiện để các nhà phân phối & đại lý hoàn thành các chỉ tiêu bán hàng. Triển khai nhiều chương trình và đặc biệt triển khai hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ để giới thiệu và phát triển bình cho tàu thuyền đánh cá...

Kiểm soát chặt chẽ thị trường, chống phá giá, chống xâm lấn thị trường tạo điều kiện cho các nhà phân phối & đại lý cạnh tranh bán hàng một cách lành mạnh mang lại hiệu quả chung cho Công ty, Đại lý, khách hàng. Bổ sung thêm nhân lực để triển khai hệ thống, tăng cường công tác quảng bá thương hiệu bằng các hình thức Pano, bảng hiệu, poster, quầy kệ....

Về xuất khẩu: hỗ trợ thị trường truyền thống: Campuchia, Trung Đông, Hồng Kong..., mở rộng thêm thị trường mới tại Algeria, Nigeria, Yemen, Ai Cập, Nam Mỹ, Myanmar ...

### 5. Công tác đầu tư và nhập khẩu.

Chủ động tìm nguồn cung cấp mới có chất lượng và giá cả cạnh tranh, loại dần các khâu trung gian để tiến tới bàn bạc thương thảo trực tiếp.

Cân đối nhập vật kịp thời tư cho sản xuất hạn chế tình trạng dư thừa gây choáng chổ và ứ đọng vốn kinh doanh

Nhập khẩu bổ sung kịp thời các thiết bị lẻ để nâng công suất 2 xí nghiệp ắc quy tăng thêm 200.000Kw/năm phục vụ cho sự tăng trưởng trong năm 2009.

Kết hợp Ban quản lý dự án PINACO Nhơn Trạch thực hiện đúng lộ trình đầu tư xây dựng nhà máy mới kịp tiến độ đề ra.

### 6. Công tác kỹ thuật và QA.

Nghiên cứu các sản phẩm mới tung ra thị trường phù hợp xu thế của người tiêu dùng.

Triển khai hệ thống chất lượng ISO/TS16949, chuyển đổi thành công hệ thống quản lý chất lượng sang phiên bản ISO 9001:2008

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng sản phẩm trước khi xuất xưởng.

Kết hợp chặt chẽ với bộ phận tiêu thụ, các xí nghiệp sản xuất, các trung tâm bảo hành sản phẩm. Theo dõi kiểm tra giám sát tốt công tác bảo hành sản phẩm cho khách hàng tạo sự uy tín và tin tưởng từ người tiêu dùng sản phẩm PINACO.

Chủ trì triển khai hệ thống ERP đầu tư nâng cấp mạng lưới máy tính của Công ty, đội ngũ IT công ty và các nhân sự các phòng ban từ công ty đến các đơn vị trực thuộc đã tích cực làm việc không kể thời gian giờ giấc đã hoàn tất giai đoạn 1 chuẩn bị go-live trong tháng 1/2010.

#### **7. Công tác tài chính kế toán:**

Thực hiện công tác kế toán đảm bảo việc mở sổ sách và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phù hợp với chuẩn mực kế toán, hồ sơ chứng từ đầy đủ theo quy định của Bộ tài chính và tổng cục thuế.

Xác định, đánh giá việc sử dụng chi phí hiệu quả trong từng thời kỳ, kiểm soát chi phí chặt chẽ.

Lập và kiểm soát kế hoạch tài chính phù hợp sự vận động kinh doanh, đảm bảo nguồn vốn cho công ty hoạt động nhịp nhàng, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn kinh doanh.

Chuyển đổi dần việc cập nhật số liệu vào hệ thống phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp SAP ERP.

#### **8. Công tác kế hoạch-lao động tiền lương**

Theo dõi biến động giá cả vật tư nguyên liệu, giá thành sản phẩm để có chính sách giá bán sản phẩm phù hợp với từng thời kỳ.

Lập và kiểm tra kế hoạch sản xuất đảm bảo sản phẩm cung cấp kịp thời cho thị trường.

Rà soát các định mức chi phí kinh doanh theo dõi sự biến động liên quan đến định mức chi phí nguyên liệu, chi phí nhân công ... giúp lãnh đạo kịp thời chỉ đạo kinh doanh đạt kết quả tốt.

Xây dựng chiến lược đào tạo và tuyển dụng cán bộ quản lý, các kỹ sư cử nhân để đáp ứng chiến lược phát triển Công ty.

#### **9. Công tác vật tư vận tải.**

Đảm bảo nguồn vật tư nguyên liệu kịp thời cho sản xuất, chủ động tìm kiếm nhà cung cấp mới có đủ năng lực cung ứng vật tư với chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh, đánh giá nhà cung cấp truyền thống trên cơ sở thương thảo lại giá cả, đồng thời yêu cầu nhà cung cấp chứng tỏ được năng lực cung ứng phải đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại, thời gian cung ứng, đối với nhà cung cấp bán thành phẩm ngoài việc phải đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại, thời gian cung ứng phải chứng tỏ được năng lực sản xuất mạnh với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại chính xác áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo ISO. Duy trì tối thiểu phải có 2 nhà cung cấp cho mỗi mặt hàng để ổn định nguồn cung cấp tránh sự lệ thuộc đồng thời có sự cạnh tranh về giá cả và chất lượng.

Tìm kiếm các đối tác có mặt hàng cung ứng tốt có thể thay thế được các mặt hàng nhập khẩu có chất lượng và giá cả phù hợp.

Cải tiến quản lý, quản lý chặt chẽ công tác kho tàng, làm tốt công tác nhập xuất kho vật tư thành phẩm theo FIFO. Thực hiện giao hàng kịp thời cho các Đại lý & nhà phân phối không để chậm trễ.

Quản lý chặt chẽ các loại phương tiện, bố trí hợp lý lộ trình vận chuyển để tiết kiệm chi

phí vận tải, kết hợp vận chuyển thuê ngoài bằng đường Sắt, đường Biển với chi phí thấp, tiết kiệm.

#### **10. Công tác Môi trường-An toàn vệ sinh lao động, PCCN:**

Thực hiện môi trường “Xanh sạch đẹp” được quan tâm đặc biệt, hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh được xây dựng đều khắp ở các tổ sản xuất, công tác tuyên truyền, huấn luyện về ATLĐ, PCCC được trang bị và duy trì liên tục. Định kỳ kiểm tra đánh giá, chấm điểm thi đua về công tác AT-VSLĐ-PCCN tại các đơn vị.

Đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cho người lao động, thực hiện tốt đánh giá đo kiểm môi trường.

Duy trì khám sức khỏe định kỳ hàng năm và khám chuyên khoa cho người lao động. Các bếp ăn tập thể thực hiện mua thực phẩm có nguồn gốc, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Năm 2009 thực hiện 176 hạng mục BHLĐ, kinh phí thực hiện là 2,2 tỷ đồng với các hạng mục kiểm tra điện trở tiếp đất hệ thống chống sét và an toàn điện, kiểm định các hạng mục đúng theo quy trình, thực hiện huấn luyện an toàn lao động cho người lao động và người sử dụng lao động, huấn luyện, diễn tập chữa cháy.....

Hưởng ứng tuần lễ quốc gia về AT-VSLĐ-PCCN lần thứ 11 từ ngày 15/3-25/3 với chủ đề “*Nâng cao nhận thức, đề cao trách nhiệm và tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội trong công tác AT-VSLĐ-PCCN*”

#### **11. Công tác phong trào thi đua**

Để đạt được mục tiêu kinh doanh năm 2009, Công ty đã phát động thành công các chiến dịch thi đua trong tháng 3, tháng 4+5 và quý 4. Chiến dịch thi đua phát động qua các tổ

chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên được toàn thể CB. CNLĐ tích cực hưởng ứng tập trung đẩy mạnh sản xuất phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

Phong trào phát huy sáng kiến tiết kiệm được duy trì tốt. Trong năm đã có 52 sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất được công nhận với giá trị làm lợi 1,5 tỷ đồng. Trong đó 1 sáng kiến được Tổng Liên đoàn Lao Động Việt Nam Tặng bằng lao động sáng tạo.

Năm 2009. với thành tích xuất sắc cả 3 chỉ tiêu Tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp, Doanh thu, lợi nhuận. Công ty cổ phần Pin Ác quy Miền Nam được tặng cờ thi đua của Chính Phủ và của Tổng Liên đoàn Lao Động Việt Nam.

#### **12. Công tác xã hội**

Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, năm 2009 PINACO sử dụng 500 triệu đồng cho công tác xã hội bằng nguồn vận động đóng góp của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty (tương đương 4 ngày lương thu nhập): Chăm lo giúp đỡ thường xuyên cho 5 thương binh nặng ở các địa phương và trợ cấp hàng tháng một bà mẹ Việt Nam anh hùng, 3 cán bộ hưu trí gặp hoàn cảnh khó khăn. Trợ cấp cho CNLĐ và cán bộ hưu trí Công ty bị bệnh hiểm nghèo hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Ủng hộ, cứu trợ đến đồng bào miền Trung và Tây Nguyên bị thiệt hại qua cơn bão số 9, Đóng góp quỹ Vì người nghèo...

Kết nghĩa với bệnh viện Nguyễn Trãi chăm lo khám chữa bệnh cho công nhân lao động, cấp học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho học sinh xuất sắc là con em CNLĐ .v.v.v.



## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### **Đặc điểm ngành-vị thế của PINACO.**

Pin &Ắc quy thuộc ngành Điện hóa, Ắc quy sản xuất Pin và Ắc Quy đòi hỏi vốn đầu tư lớn khép kín, công nghệ và thiết bị chuyên ngành, chuyên môn sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tế vì thế nên khả năng gia nhập ngành rất thấp. Với PINACO đã có quá trình hình thành và phát triển trên 30 năm nên đã chiếm được ưu thế về thị phần.

Công nghệ sản xuất ắc quy được cho là ít biến đổi, Ắc quy chì axit vẫn là loại ắc quy chiếm ưu thế nhất hiện nay với nguồn nguyên liệu phong phú và giá thành thấp nhất so với các loại sản phẩm khác về lưu trữ điện năng. Vì vậy, đầu tư công nghệ thiết bị tiên tiến thì khả năng rủi ro rất thấp.

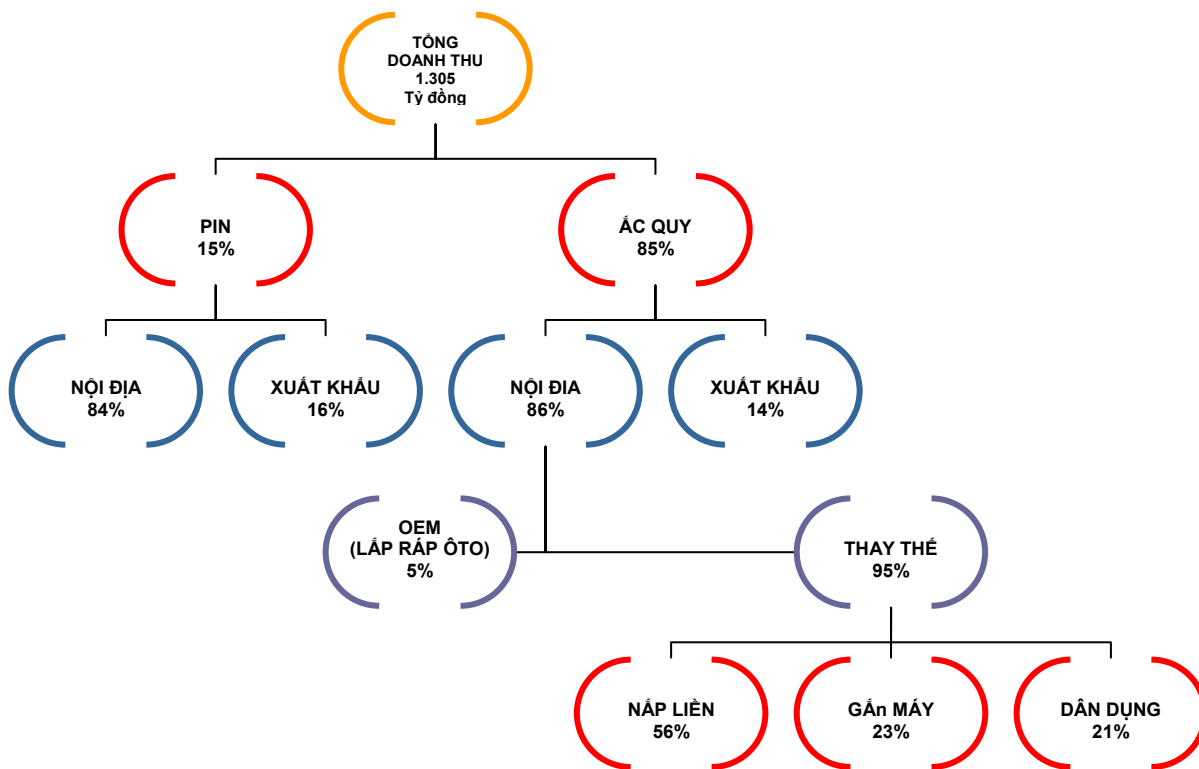
*PINACO - nhà sản xuất pin và ắc quy hàng đầu Việt Nam.*

- *Về qui mô sản xuất:* PINACO được đánh giá là có qui mô lớn nhất cả nước về sản xuất ắc quy và sản xuất pin.
- *Về thiết bị công nghệ:* Công nghệ PINACO sử dụng được chuyển giao từ Châu Âu với sự hợp tác của các chuyên gia đầu ngành của Nhật Bản và các thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý .v.v... đáp ứng được yêu cầu khắt khe của khách hàng và các hãng lắp ráp xe ô tô hàng đầu thế giới.
- *Chất lượng sản phẩm:* Sản phẩm do PINACO sản xuất được đánh giá có chất lượng cao, ổn định và phù hợp.
- *Về quản lý sản xuất:* PINACO áp dụng Hệ thống quản lý theo ISO 9001:2008 và TS16949 từ các công đoạn trong quá trình sản xuất đến khi thành phẩm hoàn thành và tiêu thụ trên thị trường, đồng thời áp dụng phương pháp quản lý sản xuất theo 5S.
- *Về quản trị nguồn lực doanh nghiệp:* PINACO áp dụng SAP ERP. Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp là công cụ hỗ trợ đắc lực quản lý thông tin nhanh chóng, chính xác, và đảm bảo tính tuân thủ nghiêm ngặt.
- *Thị trường:* PINACO bao phủ cả 3 miền Bắc – Trung - Nam chiếm thị phần ưu thế cả nước và đã vươn ra khu vực ASEAN, Trung Đông và Châu Phi..

### **Đặc điểm sản phẩm.**

Pin và Ắc quy là một trong những loại sản phẩm phục vụ cho khởi động phương tiện vận tải, đường bộ, đường sắt và đường thủy, các thiết bị điện tử và gia dụng. Về đặc điểm này, Pin và Ắc quy được cho là sản phẩm thiết yếu phục vụ các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và tiêu dùng xã hội.

## Thị trường tiêu thụ - Kênh phân phối - Cơ cấu doanh thu



### **PINACO tăng trưởng ổn định.**

PINACO là trong những doanh nghiệp có tỷ lệ tăng trưởng ổn định trong nhiều năm qua, đặc biệt năm 2008 - 2009, trước sự suy thoái kinh tế và đỉnh cao của nó rơi vào đầu quý 2 năm 2009, khi đó nền kinh tế chung thực sự rất khó khăn, nhu cầu tiêu dùng giảm sút, nhất là các mặt hàng cao cấp suy giảm trầm trọng, ngành sản xuất Ô tô trên toàn thế giới bị đình trệ, sản lượng xe xuất xưởng của các hãng lắp ráp xe ô tô của Việt Nam sụt giảm đáng kể nên việc cung cấp sản phẩm ắc quy cho mảng thị trường (OEM) trong quý 1 và nửa đầu quý 2 rất thấp. Với chính sách kích cầu của Chính phủ và trương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đã phát huy tác dụng và tác động tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế trong 6 tháng cuối năm, Đi ngược với thị trường nước ngoài, việc mua sắm phương tiện vận chuyển, nhất là xe hơi trở nên nóng sốt vô cùng các hãng lắp ráp không kịp lắp ráp xe để cung cấp cho thị trường. Nhờ vậy, chỉ trong vòng 6 tháng cuối năm sản phẩm PINACO cung cấp cho thị trường (OEM) đã tăng từ 0% lên tới 5%.

Mảng thị trường thay thế là phân khúc thị trường chủ đạo của công ty liên tục tăng trưởng đều trong tất cả các quý trong năm vì vậy năm 2009 sản phẩm ắc quy tiêu thụ tăng trưởng bình quân là 22%.

### **PINACO, tính thanh khoản cao, dòng tiền thu về đều đặn.**

Khác với nhiều công ty đang gặp các khó khăn do thiếu hụt vốn, ngược lại PINACO hoàn toàn chủ động cho sản xuất kinh doanh. Tính thanh khoản của dòng tiền cao, đây chính là tiền đề tạo

nên những cơ hội thuận lợi trong thời kỳ khủng hoảng tài chính. Sản phẩm của PINACO bán ra rất tốt và thu tiền đều đặn trong năm, bình quân mỗi tháng thu tiền bán hàng từ 90 -120 tỷ đồng, dòng tiền đủ để đảm bảo tái sản xuất, tích lũy cho sự tăng trưởng và đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông.

**PINACO, tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận xuất phát từ một trong những tài sản quý báu của công ty: Mạng lưới tiêu thụ sản phẩm.**

Hệ thống tiêu thụ đã được Công ty dày công tạo lập và hoàn thiện dần từ những năm đầu của thập kỷ 90 dưới hình thức Đại lý. Năm 2006, bước đột phá mới đã nâng tầm của hệ thống lên thành hệ thống phân phối chuyên nghiệp kiểm soát thị trường, chống bán phá giá, chống xâm lấn vùng trong việc kinh doanh sản phẩm PINACO. Và đặc biệt năm 2008 - 2009, hệ thống phân phối của PINACO đã được đầu tư nguồn nhân lực mạnh, với quy mô lớn có khả năng triển khai tất cả các chương trình mọi lúc mọi nơi, ở bất kỳ một thời điểm nào đều có thể thực hiện các yêu cầu về dịch vụ, hậu mãi, chăm sóc, kiểm soát và xử lý kịp thời, tạo được niềm tin cho khách hàng.

#### Tình hình thực hiện kế hoạch

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Doanh thu bán hàng	1.200.000	1.304.783	109%
2	Lợi nhuận sản xuất kinh doanh	95.000	177.217	187%
3	Lợi nhuận khác		268	
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	95.000	177.486	187%
5	Thuế TNDN	11.875	29.730	250%
6	Lợi nhuận sau thuế	83.125	147.750	178%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.038	9.072	180%

### THÁCH THỨC- RỦI RO VÀ CƠ HỘI

#### THÁCH THỨC

##### *Áp lực từ phía nhà cung cấp*

Các nguyên vật liệu chính để sản xuất sản phẩm PINACO đều phải nhập khẩu, phần nào hạn chế tính chủ động trong công tác chuẩn bị nguyên liệu đầu vào, kế hoạch dự trữ cho sản xuất. Thời gian qua, thị trường thế giới chứng kiến các biến động lớn về giá cả nguyên vật liệu, gây khó khăn không nhỏ cho các doanh nghiệp nhập khẩu vật tư. PINACO đang nỗ lực tìm ra nguồn cung cấp trong nước, đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định và giảm thiểu chi phí vật tư, chi phí vốn cho dự trữ vật tư.

### **Áp lực từ phía khách hàng**

Nhu cầu thị trường về sản phẩm của PINACO vẫn còn khá lớn, song danh mục lựa chọn của khách hàng đang ngày càng mở rộng. Các khách hàng luôn gây áp lực với doanh nghiệp về giá cả, chất lượng sản phẩm, dịch vụ đi kèm và chính họ là người điều khiển cạnh tranh trong ngành thông qua quyết định mua hàng.

### **Áp lực cạnh tranh từ sản phẩm thay thế**

Với trình độ phát triển của khoa học công nghệ như hiện nay, thiết bị hiện đại cũng sẽ dần được đưa vào sử dụng rộng rãi, nhiều loại máy móc, vật dụng dùng trong sinh hoạt hàng ngày về tương lai có thể sử dụng nguồn năng lượng khác và thay thế dần hoặc chiếm chỗ của Pin và Ắc quy, áp lực ngày càng lớn đối với PINACO cần phải cho ra đời những sản phẩm mới thích ứng kịp thời theo yêu cầu thay đổi của thị trường.

## **RỦI RO**

### **Rủi ro về kinh tế lạm phát**

Tình hình kinh tế Việt Nam bị suy giảm trong năm 2009 và còn nhiều nguy cơ trong năm 2010. Đối với ngành sản xuất Pin và Ắc quy sản phẩm chủ yếu phục vụ cho ngành công nghiệp và tiêu dùng thiết yếu của xã hội mức độ ảnh hưởng không nhiều. Sản phẩm của PINACO có uy tín tốt, chất lượng ổn định cung cấp 95% sản lượng sản xuất cho thị trường thay thế vì vậy năm 2009 đạt mức tăng trưởng tốt kể cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

### **Rủi ro về pháp luật**

Đặc thù ngành Pin và Ắc quy là độc hại nên các chính sách về bảo vệ môi trường đã được PINACO tuân thủ nghiêm ngặt, hầu hết các cơ sở sản xuất nằm trong khu công nghiệp và được trang bị hệ thống xử lý các chất độc hại theo tiêu chuẩn quy định.

### **Rủi ro về tỷ giá**

15% doanh số công ty là từ xuất khẩu và hơn 70% nguồn cung cấp nguyên vật liệu là nhập khẩu. Khoản chênh lệch ngoại tệ do nhập siêu này nếu có biến động về tỷ giá có ảnh hưởng đến kinh doanh của công ty.

### **Rủi ro về lãi suất**

Năm 2009, PINACO điều chỉnh chiến lược tài chính để tăng tính thanh khoản của đồng tiền trong thời kỳ khủng hoảng bằng cách điều chỉnh cơ cấu tài sản ngắn hạn ở mức hợp lý vì vậy chi phí vay ngắn hạn là 6 tỷ đồng nhưng lãi tiền gửi thu về là 12 tỷ đồng.

## **CƠ HỘI- TRIỂN VỌNG TRONG TƯƠNG LAI**

### **Cơ hội trong môi trường kinh tế được phục hồi.**

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang trong giai đoạn hồi phục. Các gói kích cầu của chính phủ tuy đã giảm về quy mô nhưng vẫn đang góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, tác động tích cực đến sự phát triển của ngành sản xuất ắc quy. Năng lực sản xuất ắc quy của Công ty đã được nâng lên 20% so với năm 2008. Cuối năm 2010 khi nhà máy mới đi vào hoạt động năng lực sản

xuất ắc quy tiếp tục tăng thêm 50% đúng thời điểm nền kinh tế phục hồi. PiNACO kỳ vọng sẽ đón nhận được cơ hội tăng trưởng cao trong tương lai.

#### **Cơ hội từ sự phát triển của ngành viễn thông.**

Với tốc độ phát triển rất nhanh của ngành viễn thông, nhu cầu ắc quy cho các trạm phát sóng là rất lớn, cuộc chạy đua về sản phẩm ắc quy cung cấp cho ngành viễn thông đang được PINACO đặc biệt quan tâm.

#### **Triển vọng tương lai cho giải pháp tích trữ nguồn năng lượng**

Với tốc độ phát triển Công nghiệp như hiện nay, tương lai lưới điện quốc gia sẽ có phần thiếu hụt. Theo kinh nghiệm của những quốc gia phát triển, để tập trung ưu tiên cho sản xuất công nghiệp, chính phủ sẽ hướng các hộ gia đình, thấp sáng công cộng chuyển dịch sang khai thác các nguồn điện từ năng lượng mặt trời, điện sinh học, điện từ sức gió, khí gas...khi đó giải pháp tích trữ năng lượng có cả một thị trường rộng lớn.

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **Các chỉ số tài chính:**

<b>Báo cáo KQHĐSXKD (tr. đồng)</b>	2009	2008	2007	2006
Doanh thu	1.304.783	1.241.205	989.810	674.050
Giá vốn hàng bán	929.098	999.709	851.896	583.486
Chi phí quản lý và chi phí bán hàng	103.945	76.385	56.413	49.632
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay, khấu hao	201.415	111.483	75.316	51.625
Khấu hao	18.998	14.928	14.852	15.047
Thu nhập trước thuế và lãi vay	182.417	96.555	60.464	36.578
Chi phí lãi vay	4.931	6.109	8.223	8.389
Lợi nhuận trước thuế	177.486	90.446	52.241	28.189
Lợi nhuận sau thuế	147.755	77.770	44.883	28.189
<b>Tăng trưởng</b>	2009	2008	2007	2006
Tăng trưởng doanh thu	5%	25%	46%	18%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế, lãi vay, KH	81%	48%	46%	0%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế và lãi vay	89%	57%	65%	18%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	96%	73%	85%	10%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	90%	73%	59%	10%
<b>Tỷ suất sinh lời</b>	2009	2008	2007	2006
Hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	13,60%	7,28%	5,27%	4,18%
Hệ số giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần	71,20%	80,54%	86,07%	86,56%
Hệ số chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	5,97%	4,77%	4,26%	5,68%
Hệ số chi phí QLDN/Doanh thu thuần	1,99%	1,38%	1,44%	1,67%

Thu nhập trên tài sản (ROA)	31,27%	20,36%	17,06%	13,27%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE)	40,69%	30,73%	32,74%	23,08%

### Phân tích hoạt động.

Với mức doanh thu tăng 63 tỷ đồng, đạt tỷ lệ tăng 5% so với năm 2008. Lợi nhuận tăng 86,882 tỷ đồng, đạt tỷ lệ tăng 96% so với năm 2008. Sản phẩm tiêu thụ tăng 22% so với năm 2008 nhưng doanh thu tăng 5% là do giá bán sản phẩm giảm 15% so với giá bán năm 2008, lợi nhuận thực hiện là 178 tỷ đồng, tuy nhiên có thừa hưởng từ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 53 tỷ đồng. Vì vậy lợi nhuận đem lại từ hoạt động kinh doanh năm 2009 là 125 tỷ đồng, tương đương 9,6% lợi nhuận trên doanh thu, cao gần gấp đôi so với một số doanh nghiệp cùng ngành chỉ đạt từ 4,5 đến 6%. Với tốc độ tăng trưởng 22% cho thấy sự nỗ lực và nhạy bén trong việc điều hành của lãnh đạo Công ty cùng với các hoạt động nhịp nhàng trôi chảy của các bộ phận nghiệp vụ phòng ban và toàn thể lực lượng công nhân lao động trong toàn Công ty.

Năm 2009, 6 tháng đầu năm tình hình kinh tế suy thoái lan tỏa trên phạm vi toàn cầu, nhu cầu tiêu dùng sa sút nghiêm trọng, 6 tháng cuối năm kinh tế dần hồi phục nhưng vẫn chưa ổn định. Để đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh trên, trong năm qua Công ty đã triển khai nhiều quyết sách, chiến lược hợp lý.

- Xác định chiến lược giá phù hợp đảm bảo sản phẩm bán ra có tính cạnh tranh đồng thời triển khai liên tục các chương trình khuyến mãi hỗ trợ mạnh cho các nhà phôi, đại lý cạnh tranh thắng lợi trên thị trường, lấy phần tăng trưởng thị phần bù đắp cho sức mua suy giảm, giúp công ty không chỉ duy trì mà còn tăng được doanh thu, giải phóng đầu ra tạo điều kiện cho sản xuất tăng trưởng trên 22%.

- Tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần giảm 9,34% so với năm 2008. Tuy năm 2009 giá nguyên liệu chi kèm nhập ngoại giảm so với 2008 nhưng hầu hết các loại vật tư nguyên liệu trong nước giá đều tăng, Công ty đã phải liên tục thảo luận với nhà cung cấp nội địa yêu cầu họ cải tiến sản xuất giảm chi phí để có mức tăng giá hợp lý giúp PINACO có chi phí đầu vào hợp lý.

- Tỷ lệ chi phí bán hàng / doanh thu thuần tăng 1,2% so với năm 2008. Công ty đã đầu tư mạnh cho việc quảng bá thương hiệu với các hình thức như Pa nô quảng cáo, bảng hiệu, quầy kệ trưng bày tại các đại lý và các điểm bán hàng, đồng thời khuyến khích tiêu thụ thông qua các chương trình khuyến mãi liên tục và mạnh mẽ nhằm đạt mục tiêu gia tăng thị phần cho sản phẩm của PINACO trong thị trường nội địa.

- Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp / doanh thu thuần tăng 0,61% so với năm 2008. Do tăng chi phí lương khối văn phòng từ việc đầu tư bổ sung nhân lực là những kỹ sư cử nhân tại các phòng ban nghiệp vụ để tăng cường công tác quản lý nghiệp vụ phù hợp với quy mô kinh doanh ngày càng mở rộng và chuẩn bị cho nhà máy mới.

- Thu nhập trên tài sản (ROA) tăng 10,91%, Thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng 9,96% so với năm 2008. Đây là chỉ tiêu quan trọng cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản, hiệu quả sử dụng vốn ngày càng được khai thác toàn diện.

## Tình hình tài chính

### Bảng cân đối kế toán

<b>Tài sản (tr. đồng)</b>	2009	2008	2007	2006
Tiền mặt	55.636	62.606	39.779	24.768
Đầu tư ngắn hạn	161.525	69.341	-	-
Các khoản phải thu	113.988	67.333	113.525	54.543
Hàng tồn kho	174.579	196.823	218.936	110.463
Tài sản ngắn hạn khác	900	706	809	1.084
Tài sản cố định	137.399	75.935	66.125	72.549
Tài sản dài hạn khác	25.862	33.187	3.176	2.945
<b>Nguồn vốn (tr. đồng)</b>	2009	2008	2007	2006
Vay ngắn hạn ngân hàng	124.924	85.793	172.995	96.729
Nợ trong thanh toán ngắn hạn	105.202	108.267	71.756	34.680
Vay dài hạn Ngân hàng	22.912	1.466	1.913	11.566
Vốn chủ sở hữu	404848	306.224	195.689	123.311
<b>Khả năng thanh toán</b>	2009	2008	2007	2006
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,20	2,04	1,52	1,45
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,44	1,03	0,63	0,61
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	2009	2008	2007	2006
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản (%)	62,05%	61,35	44,26	46,32
Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn (%)	34,37%	38,35	55,33	49,33
Nợ dài hạn/Tổng tài sản (%)	3,57%	0,29	0,43	4,34
<b>Cơ cấu tài sản</b>	2009	2008	2007	2006
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản (%)	75,62%	78,43	84,33	71,65
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản (%)	24,37%	21,57	15,67	28,35

Các chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh đạt mức  $\geq 1$  lần và tăng so với năm 2008 là 0,16 và 0,41 lần. Các chỉ số này thể hiện tính chủ động, tính bảo đảm chắc chắn trước các khoản nợ phải trả và là chỉ số thể hiện sự tin tưởng của ngân hàng và chủ nợ khác, trong năm công ty không có khoản nợ phải trả nào quá hạn.

Năm 2009 Công đặc biệt được quan tâm đến “tính thanh khoản của đồng tiền”. Do ảnh hưởng suy thoái tài chính, tiền tệ trở lên khan hiếm và luân chuyển chậm. Khi đó đồng tiền thật giá trị, ai có tiền sẽ có nhiều cơ hội. Về cơ bản Công ty giảm tỷ lệ tài sản ngắn hạn bằng thông qua việc giảm tối đa vốn lưu động ở các khâu dự trữ hàng hóa tồn kho nguyên vật liệu, tồn trên dây chuyền và kho thành phẩm, tăng lượng tiền dự trữ tại các quỹ để có thể giải quyết các chính sách kịp thời với tình hình kinh tế nhiều bất ổn tiềm ẩn.

## **Những thành công mới: từ việc san lấp 6 khoảng trống và ổn định 4 trạng thái kinh doanh**

### ***Những khoảng trống:***

- *Khoảng trống dây chuyền sản xuất:* Thực hiện lấp đầy khoảng trống này từ việc hoàn thiện dây chuyền sản xuất về chiều rộng và chiều sâu kể cả phát triển thiết bị phục vụ cho sản phẩm mới và các sản phẩm được cải tiến.
- *Khoảng trống phân phối:* Khoảng trống này PINACO kéo giảm xuống bằng cách tăng cường mức độ và cường độ bao phủ thị trường, chú trọng hơn về chiến lược quảng cáo.
- *Khoảng trống tiêu dùng:* Đẩy mạnh tiêu dùng. PINACO hướng dẫn, hướng người tiêu dùng, thuyết phục người tiêu dùng hưởng ứng chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. khách hàng hiện tại không phải là chỉ dùng thử sản phẩm mà hãy yên tâm tuyệt đối khi dùng sản phẩm PINACO.
- *Khoảng trống cạnh tranh:* PINACO tiếp tục thu hẹp bằng cách trực tiếp xâm nhập vào thị trường của các sản phẩm thay thế và lắp ráp xe ô tô.
- *Khoảng trống quốc tế hóa:* PINACO thông qua các kênh giới thiệu, xúc tiến thương mại để có nhiều hình thức xuất khẩu, liên doanh, liên kết, tiến tới mở văn phòng tại nước ngoài.
- *Khoảng trống giao tiếp:* PINACO sẽ rút ngắn thông qua các chiến lược quảng cáo, quan hệ công chúng và khai thác tối ưu công cụ web.

### ***Trạng thái kinh doanh***

- *Trạng thái công kích:* PINACO củng cố hơn nữa vị trí của mình tại khu vực thị trường tiềm năng, nơi có thể sẽ thu hút nhiều đối thủ khác gia nhập, bằng cách tăng thị phần và mở rộng danh mục sản phẩm.
- *Trạng thái cạnh tranh:* PINACO tìm cách cắt giảm chi phí, khác biệt hóa sản phẩm của mình, đồng thời tăng cường các hoạt động marketing.
- *Trạng thái cố thủ:* PINACO sẽ chú trọng áp dụng một số tiến bộ khoa học mới vào sản xuất để duy trì vị thế dẫn đầu trong thị trường nội địa.
- *Trạng thái phòng thủ:* PINACO duy trì và thu hẹp dần, thay đổi chiến lược đối với ngành sản xuất Pin.

### **Các dự án đang thực hiện và dự kiến sắp tới.**

- Dự án nhà máy Ấc quy PINACO Nhơn Trạch dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 10/2010 và chính thức sản xuất ra sản phẩm.
- Dự án bất động sản tại Gia Phú, TP HCM; Thời gian qua thị trường bất động sản chững lại, Công ty CP đầu tư kinh doanh nhà (INTRESCO) đang triển khai nhiều dự án nên dự án này INTRESCO triển khai chậm, PINACO & công ty Lương thực Thành phố (VINAFOOD) đã thay đổi sang đối tác là Vietcomreal tiếp tục thực hiện hợp khối hai lô đất đường Gia Phú và Đại lộ Đông Tây với tổng diện tích là 12.000 m<sup>2</sup>, xây dựng khu nhà hỗn hợp: Trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, căn hộ cao cấp. Hiện nay về chủ trương đã được phê duyệt, các thủ tục tiếp theo đang khẩn trương thực hiện.



- Dự án tái chế Ấc quy; Tiếp tục tìm kiếm đối tác có kinh nghiệm về tái chế ắc quy và luyện kim để thực hiện dự án tái sinh chì, nhựa từ các bình ắc quy phế thải nhằm thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất đối với môi trường xã hội đồng thời khai thác nguyên liệu chì tái chế, giảm áp lực nhập ngoại nguyên liệu và ngoại tệ.
- Hợp tác quốc tế chuyển giao công nghệ ắc quy; PINACO đang thực hiện hợp tác với Nhật Bản Và Mỹ để mua công nghệ kỹ thuật tiên tiến sản xuất ra các loại sản phẩm mới như: Ấc quy VLRA, Ấc quy trạm, ắc quy viễn thông phục vụ cho phân khúc mới của thị trường.

#### Xí nghiệp Ấc Quy Đồng Nai



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI(CPA)

## IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

### CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

Số : 321 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 08 39.203.059; Fax: 08 39.203.060

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Pin Ắc Quy Miền Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

#### Khái quát chung về Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam.

Công Ty Cổ Phần Pin Ắc Quy Miền Nam, tên giao dịch bằng tiếng Anh là DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOIN STOCK COMPANY, tên viết tắt là "PINACO", gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công Ty Pin Ắc Quy Miền Nam trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41030002690, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 ngày 09 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn Điều lệ là: 205.352.720.000 VND (*Hai trăm lẻ năm tỷ ba trăm năm mươi ba triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*) được chia thành 20.535.272 cổ phần.
- Mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*)

Trong đó:

- Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam sở hữu: 50,89% vốn điều lệ
- Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng khác: 49,11% vốn điều lệ

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc bao gồm:

##### Khởi sản xuất:

- Xí nghiệp Pin Con Ó: 752 đường Hậu Giang, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp ắc quy Sài Gòn: khu Công nghiệp Tân Tạo.
- Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai: khu Công nghiệp Biên Hòa 1.

##### Khởi kinh doanh:

- Chi nhánh Hà Nội: 319 Phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Q. Hoàng Mai, Tp Hà Nội
- Chi nhánh Đà Nẵng: 212 đường Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

### **Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

- Sản xuất pin và ắc quy
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại sản phẩm pin, ắc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh pin, ắc quy.
- Cho thuê văn phòng. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá và sàn giao dịch bất động sản).

Địa chỉ: 321 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08 39.203.059 Fax: 08 39.203.060

### **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và đến ngày lập báo cáo này, bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

	<b>Chức vụ</b>
– Bà Nguyễn Thị Kim Thảo	Chủ tịch
– Ông Trần Thanh Văn	Ủy Viên
– Ông Lê Hữu Nghị	Ủy Viên
– Ông Mai Văn Hùng	Ủy Viên
– Bà Phạm Kiều Diễm	Ủy Viên

#### **Ban kiểm soát**

	<b>Chức vụ</b>
– Ông Ngô Đình Luyện	Trưởng ban
– Ông Tạ Duy Linh	Thành viên
– Ông Vũ Nhất Tâm	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và cho đến ngày lập Báo cáo này, bao gồm:

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

	<b>Chức vụ</b>
– Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc
– Ông Trương Võ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
– Ông Lê Hữu Nghị	Kế toán trưởng

Theo Quyết định số 488/QĐ-PA ngày 02 tháng 12 năm 2008, ông Trần Thanh Văn – thành viên Hội đồng quản trị kiêm phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành kể từ ngày 01/01/2009 thay bà Nguyễn Thị Kim Thảo, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, thôi kiêm nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.

#### **Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công Ty Cổ Phần Pin Ắc Quy Miền Nam.

### **Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

### **Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán.**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán nhất;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Khẳng định Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM** *mm*



Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 02 năm 2010



**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

THÀNH VIÊN HIỆNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

**AICA**

Trụ sở chính: Số 12 ngõ 2 Hoa Lư, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
ĐT: (84.4) 9 745 081/82 \* Fax: (84.4) 9 745 083  
Email: cpahanoi@ipt.vn Website: www.cpahanoi.com

Chi nhánh HCM: Số 159/14 Bạch Đằng Q. Tân Bình, TP.HCM  
ĐT: (84.8) 2 936 178 \* Fax (84.8) 8 488 550  
Email: cpahanoi@ipt.vn

Số: 226/CPA-HN

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2010

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính Của Công ty Cổ Phần Pin Ác Quy Miền Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính này đã được lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại mục IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là dựa trên kết quả kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập về các Báo cáo tài chính và sau đó báo cáo với Ban Giám đốc của Công ty.

### **Cơ sở đưa ra ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng, công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009:

- a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo Kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt. Công Ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam giữ chín (9) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

## **CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Kiểm toán viên**



**Lê Văn Dò**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên*  
*Số: 0231./KTV*

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tĩnh**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên*  
*Số: Đ.0132/KTV*

Công ty cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TT	TÀI SẢN	Mã Thuyết		Số cuối năm	Số đầu năm
		số	minh		
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>506.629.984.777</b>	<b>396,812,391,977</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>55.636.201.977</b>	<b>62,606,453,500</b>
1	Tiền	111		55.636.201.977	62,606,453,500
2	Các khoản tương đương tiền	112			-
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>VI.2</b>	<b>161.525.708.042</b>	<b>69,341,666,667</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121		161.525.708.042	69,341,666,667
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>VI.3</b>	<b>113.988.863.480</b>	<b>67,333,713,191</b>
1	Phải thu khách hàng	131		90.425.481.516	56,567,343,778
2	Trả trước cho người bán	132		23.476.792.682	11,112,925,512
3	Phải thu nội bộ	133			-
5	Các khoản phải thu khác	138		86.589.282	136,928,159
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			(483,484,258)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VI.4</b>	<b>174.579.337.070</b>	<b>196,823,985,719</b>
1	Hàng tồn kho	141		174.579.337.070	250,614,793,586
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(53,790,807,867)
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>VI.5</b>	<b>899.874.208</b>	<b>706,572,900</b>
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		899.874.208	706,572,900

Công ty cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>163.262.308.801</b>	<b>109,122,879,406</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>137.399.370.547</b>	<b>75,935,211,947</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	92.434.074.380	58,349,916,144
	- Nguyên giá	222		250.440.668.998	198,491,898,455
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(158.006.594.618)	(140,141,982,311)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
3	Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	1.112.246.587	1,623,952,827
	- Nguyên giá	228		18.563.953.741	18,441,787,741
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17.451.707.154)	(16,817,834,914)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	43.853.049.580	15,961,342,976
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>294.020.000</b>	<b>241,000,000</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251			-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			-
3	Đầu tư dài hạn khác	258	VI.9	294.020.000	241,000,000
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.568.918.254</b>	<b>32,946,667,459</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.10	25.508.718.254	25,049,505,386
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.11	-	7,836,962,073
3	Tài sản dài hạn khác	268		60.200.000	60,200,000
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>669.892.293.578</b>	<b>505,935,271,383</b>



Công ty cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>254.078.456.645</b>	<b>195,526,857,802</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>230.126.303.482</b>	<b>194,060,740,666</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.12	124.924.509.627	85,793,866,751
2	Phải trả người bán	312	VI.13	20.877.464.953	11,657,040,810
3	Người mua trả tiền trước	313	VI.14	2.062.163.630	1,518,873,526
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	13.595.316.748	16,852,199,172
5	Phải trả công nhân viên	315		51.207.814.450	57,264,362,307
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.16	13.730.990.220	17,397,990,724
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	VI.17	3.728.043.854	3,576,407,376
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>VI.18</b>	<b>23.952.153.163</b>	<b>1,466,117,136</b>
3	Phải trả dài hạn khác	333		1.040.000.000	1,390,000,000
4.	Vay và nợ dài hạn			22.912.153.163	
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			76,117,136
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>415.813.836.933</b>	<b>310,408,413,581</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.19</b>	<b>404.848.303.701</b>	<b>306,224,719,692</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		205.352.720.000	165,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62,290,000,000
3	Cổ phiếu ngân quỹ	413		(14.367.110.657)	(12,743,682,257)
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			943.022.759	
6	Quỹ đầu tư phát triển	416		34.273.331.378	42,607,068,767
7	Quỹ dự phòng tài chính	417		15.466.402.565	8,078,617,186
9	Lợi nhuận chưa phân phối	419		100.884.848.901	40,992,715,996
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>10.965.533.232</b>	<b>4,183,693,889</b>
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		10.965.533.232	4,183,693,889
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>		<b>440</b>		<b>669.892.293.578</b>	<b>505,935,271,383</b>

Kế toán trưởng



Lê Hữu Nghị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2010



Trần Thanh Văn

Công ty cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.20	1.305.359.931.082	1,241,778,102,649
2	Các khoản giảm trừ	3	VI.20	576.686.432	572,928,190
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	1.304.783.244.650	1,241,205,174,459
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.21	929.098.340.338	999,709,581,283
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		375.684.904.312	241,495,593,176
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	21.508.780.388	10,835,330,614
7	Chi phí tài chính	22	VI.23	116.031.054.953	85,498,079,632
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.931.237.449	6,109,875,092
8	Chi phí bán hàng	24		77.933.041.389	59,257,690,682
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.012.031.045	17,128,815,263
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		177.217.557.313	90,446,338,213
11	Thu nhập khác	31		333.988.851	225,065,705
12	Chi phí khác	32		65.390.595	67,320,952
13	Lợi nhuận khác	40		268.598.256	157,744,753
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.486.155.569	90,604,082,966
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	29.730.447.992	20,670,308,829
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(7,836,962,073)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		147.755.707.577	77,770,736,210
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.26		9.072	5,460

Kế toán trưởng

Lê Hữu Nghị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2010



Tổng giám đốc

Trần Thanh Văn

Công ty cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Msố	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(4)	(5)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>177,486,155,569</b>	<b>90,604,082,966</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	18,899,348,374	14,928,696,264
- Các khoản dự phòng	03	(53,790,807,867)	57,389,452,478
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	876,781,236
- Chi phí lãi vay	06	4,931,237,449	6,109,875,092
<b>3. LN từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>147,525,933,525</b>	<b>169,908,888,036</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(46,350,523,309)	46,214,185,363
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	76,021,012,486	(31,678,120,316)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(3,524,955,829)	(58,527,424,524)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(459,212,868)	2,786,370,265
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4,931,237,449)	(6,109,875,092)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(24,407,171,338)	(12,736,248,772)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4,047,649,543	92,667,877,133
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(49,188,915,298)	(49,561,558,935)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>98.732.579.463</b>	<b>152.964.093.158</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(50,978,678,328)	(22,877,397,158)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	254,545,455	2,750,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(535,525,708,042)	(335,776,199,001)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	443,341,666,667	266,434,532,334
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14,241,374,049	7,125,995,897

<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(128,666,800,199)</b>	<b>(85,090,317,928)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	74,917,750,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	(6,364,319,646)	(12,743,682,257)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	508,339,642,113	430,987,761,588
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(444,000,345,349)	(519,946,599,260)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35,127,545,000)	(17,385,223,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>22,847,432,118</b>	<b>(44,169,992,929)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(7,086,788,618)</b>	<b>23,703,782,301</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>62,606,453,500</b>	<b>39,779,452,435</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	116,537,095	(876,781,236)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>55,636,201,977</b>	<b>62,606,453,500</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam, tên giao dịch bằng tiếng Anh là DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOIN STOCK COMPANY tên viết tắt là "PINACO", gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Pin Ấc Quy Miền Nam trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41030002690, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 12 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 205.352.720.000 VND (*Hai trăm linh năm tỷ ba trăm năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn*) được chia thành 20.535.272. cổ phần
- Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*).

#### Trong đó:

- Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam sở hữu: 51,11 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng khác: 48,89 % vốn điều lệ

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất pin, ắc quy.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm pin, ắc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh pin, ắc quy.
- Cho thuê văn phòng. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá và sàn giao dịch bất động sản).

Địa chỉ: Số 321 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, TP HCM

Điện thoại: 08 39.203.059

Fax: 08 39.203.060

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký – Chứng từ

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.
- *Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:* Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán tài chính.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- + Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;

- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;

Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;

- + Chi phí bán hàng;
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp.

– **Phương pháp xác định giá hàng tồn kho cuối kỳ**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp giá bình quân.

– **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

– **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác**

– **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng (nếu có) và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- + Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

– **Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí

phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản khác	5

#### **4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, lợi thế thương mại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003.

Các tài sản cố định vô hình khác ghi nhận theo chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có được từ việc thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo từ năm 2002, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản là tiền thuê đất 50 năm trả 1 lần.

Do nhu cầu hoàn trả tiền vay dài hạn đầu tư cho việc di dời Xí nghiệp ắc quy Cửu Long, tài sản cố định vô hình – Tiền thuê đất khu Công nghiệp Tân Tạo được trích khấu hao trong 5 năm. Giá trị còn lại của tài sản này được bàn giao từ Công ty Pin ắc Quy Miền Nam sang Công ty cổ phần. Tài sản này đã được trích khấu hao hết tại thời điểm cuối năm 2007.

#### **5. Ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- + Chi phí thuê đất khu công nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...



## **6. Các nghĩa vụ về thuế**

Công ty áp dụng chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**

### **– Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

- + Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- + Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- + Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- + Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- + Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

### **– Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác**

- + Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư XD CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.
- + Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư XD CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất doanh nghiệp trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- + Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn. Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

## **Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập theo tỷ lệ 3% trên cơ sở quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội.

## **10. Vốn chủ sở hữu**

### ***Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá cổ phiếu đóng góp từ các cổ đông.

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng (giảm) do phát hành cổ phiếu cao (thấp) hơn mệnh giá và chênh lệch tăng giảm so với giá mua lại khi phát hành cổ phiếu quỹ.

## **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

- ***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***
  - + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
  - + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- ***Doanh thu cung cấp dịch vụ:*** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
  - + Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.
- ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

  - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Quỹ lương của Công ty được trích theo tỷ lệ 8,5% doanh thu đã được thực hiện trong năm 2009, theo đúng đơn giá tiền lương đã được Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam phê duyệt.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1.	Tiền	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1.1	<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>535.350.835</b>	<b>1.359.054.438</b>
1.2	<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>55.100.851.142</b>	<b>61.247.399.062</b>
	<b>Tiền gửi ngân hàng bằng VND</b>	<b>49.055.152.347</b>	<b>53.851.606.781</b>
	Ngân hàng ĐT&PT chi nhánh TPHCM	2.371.540.748	9.343.864.131
	Ngân hàng Công thương	4.666.672.849	1.084.774.924
	Ngân hàng Chinatrust	12.222.923.522	8.680.741.571
	Ngân hàng thương mại CP XNK chi nhánh SG	10.338.022.508	18.182.501.681
	Ngân hàng ngoại thương chi nhánh TPHCM	347.111.354	5.331.379.516
	Ngân hàng Natixis	23.000.000	260.715.111
	Ngân hàng HSBC	12.148.037.052	6.384.864.151
	Cty CP chứng khoán Bảo Việt	48.694.173	8.169.823
	Ngân hàng Sacombank	987.643	-
	Indovina	2.545.030.363	-
	Tại XNAQ Đồng Nai	843.701.295	964.793.519
	Tại XNAQ Sài Gòn	231.268.374	1.418.305.942
	Tại XN Pin Con Ó	21.508.102	81.891.965
	Tại CN Hà Nội	2.001.906.516	1.675.239.047
	Tại CN Đà Nẵng	1.244.747.848	434.365.400
	<b>Tiền gửi ngân hàng bằng USD</b>	<b>6.045.698.795</b>	<b>7.395.792.281</b>
	Ngân hàng ĐT&PT chi nhánh TPHCM - 747,73 USD	13.415.024	2.741.673.112
	Ngân hàng Chinatrust - 125.005,34 USD	2.242.720.805	4.371.356.459
	Ngân hàng TM CP XNK chi nhánh SG - 87.549,30 USD	1.570.721.991	211.637.060
	Ngân hàng Natixis - 0,51 USD	9.150	71.125.650
	Ngân hàng Sacombank - 123.673,81 USD	2.218.831.825	-
	<b>Cộng</b>	<b>55.636.201.977</b>	<b>62.606.453.500</b>
2.	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
	Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
	Đầu tư ngắn hạn khác (*)	161.525.708.042	69.341.666.667
	<b>Cộng</b>	<b>161.525.708.042</b>	<b>69.341.666.667</b>

(\*) - Để tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng Nhà máy ác quy mới tại Nhơn Trạch - Đồng Nai. Năm 2008 với số tiền 90 tỷ thu về từ việc phát hành 4,5 triệu cổ phiếu sau khi hoàn trả tiền thuê đất, số tiền còn lại Công ty gửi tiết kiệm Ngân hàng để tranh thủ thu lãi, trong đó:

- 32 tỷ gửi kỳ hạn 01 năm với lãi suất 18%/năm.
- 37,3 tỷ gửi kỳ hạn 03 tháng với lãi suất theo từng thời kỳ.

'- Tổng số tiền gửi tiết kiệm đến thời điểm 01/01/2009 là 69,3 tỷ đồng, trong năm 2009 với nguồn vốn tích lũy từ hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại Công ty tiếp tục gửi 92,2 tỷ đồng với kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng. Mục đích chuẩn bị vốn cho đầu tư Nhà máy mới. Do đó tính đến thời điểm 31/12/2009 số tiền gửi tiết kiệm là 161,5 tỷ đồng. Nhà máy mới khởi công xây dựng vào ngày 10/08/2009 và dự kiến hoàn thành vào quý 4 năm 2010, nguồn vốn này sẽ được giải ngân theo tiến độ thực hiện.

3. Cốc khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	90.425.481.516	56.567.343.778
Trả trước cho người bán	23.476.792.682	11.112.925.512
Phải thu khác	86.589.282	136.928.159
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	-	(483.484.258)
<b>Cộng</b>	<b>113.988.863.480</b>	<b>67.333.713.191</b>
<b>(*) Trong đó:</b>	-	-
<i>Trần Xuân Khoa tại Chi nhánh Đà Nẵng</i>	-	399.772.002
<i>Lê Thị Kim Mai tại chi nhánh Đà Nẵng</i>	-	83.712.256
<b>Cộng</b>	-	<b>483.484.258</b>
4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	95.369.019.802	118.506.796.692
Công cụ, dụng cụ	-	4.283.624
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.342.250.259	47.056.130.301
Thành phẩm	32.868.067.009	85.047.582.969
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>174.579.337.070</b>	<b>250.614.793.586</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(53.790.807.867)
+ Nguyên liệu, vật liệu	-	(29.210.398.763)
+ Chi phí SXKD dở dang	-	(14.411.470.261)
+ Thành phẩm	-	(10.168.938.843)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	174.579.337.070	196.823.985.719
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK trong năm:	53.790.807.867	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng	899.874.208	674,340,446
Thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	32,232,454
<b>Cộng</b>	<b>899.874.208</b>	<b>706,572,900</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (phụ lục số 01 )**

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ	-	-	1.860.894.720	1.860.894.720
1. Số dư đầu kỳ	-	-	122.166.000	122.166.000
2. Số tăng trong kỳ				
3. Số giảm trong kỳ				
4. Số cuối kỳ:			1.983.060.720	18.563.953.741
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số đầu kỳ	-	-	236.941.893	16.817.834.914
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	633.872.240	633.872.240
3. Giảm trong kỳ	-	-		
4. Số cuối kỳ	-	-	870.814.133	17.451.707.154
III Giá trị còn lại	-	-	-	-
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	1.623.952.827	1.623.952.827
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	1.112.246.587	1.112.246.587

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

**Số cuối năm**

**Số đầu năm**

**VND**

**VND**

Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai	404.237.984	-
Xí nghiệp ắc quy Sài Gòn	920.737.198	380.779.500
Văn phòng Công ty	42.528.074.398	15.580.563.476
Dây chuyền sản xuất ACCU BM	-	8.392.785.561
Máy đúc chum cục BM	-	6.195.986.141
Máy bọc lá cách PE	3.117.217.152	-
Máy đúc sườn ZX_6C	936.623.064	-
Xe tải IZUSU 24 tấn	1.554.600.000	-
Dự án xử lý nước thải Đồng Nai	4.624.857.211	-
Máy nghiền bột chì	5.625.625.990	-
Máy đúc và trát liên tục	8.113.057.118	-
Máy đúc cao chì	5.101.607.280	-

Dự án Nhơn Trạch	13.193.703.041	-
Các công trình xây dựng cơ bản khác	260.783.542	991.791.774
<b>Cộng</b>	<b>43.853.049.580</b>	<b>15.961.342.976</b>
<b>9. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ phiếu Eximbank (tương đương 24.100 CP)	294.020.000	241.000.000
<b>Cộng</b>	<b>294.020.000</b>	<b>241.000.000</b>
<i>* Trong đó: Cổ phiếu được phát hành thêm từ quỹ thặng dư vốn cổ phần của ngân hàng Eximbank được ghi nhận tăng khoản giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.</i>		
<b>10. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuê hoạt động tài sản	-	361.745.735
Lợi thế thương mại	-	915.721.273
Chi phí trả trước dài hạn	2.280.040.753	-
Chi phí thuê đất Nhơn Trạch (trả tiền một lần)	23.228.677.501	23.772.038.378
<b>Cộng</b>	<b>25.508.718.254</b>	<b>25.049.505.386</b>
<b>11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	7,836,962,073	
+ <i>Chênh lệch do cơ sở tính thuế giá trị khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho (sẽ hoàn nhập toàn bộ vào năm 2009)</i>	7,530,713,101	
+ <i>Chênh lệch do cơ sở tính thuế giá trị khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm 2008)</i>	306,248,972	
<b>Cộng</b>	<b>7,836,962,073</b>	
<b>12. Các khoản vay ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay ngắn hạn bằng VND	<b>39.940.292.370</b>	-
Ngân hàng HSBC	16.164.938.698	
Ngân hàng Eximbank	14.773.837.929	-
INDOVINA	9.001.515.743	
Các khoản vay ngắn hạn bằng USD	<b>72.986.087.993</b>	<b>85.793.866.751</b>
NH Đầu tư và PT CN TPHCM	-	28.759.057.354
Ngân hàng Chinatrust - 2.071.963,23 USD	37.173.092.309	-

NH TM CP XNK chi nhánh SG - 1.428.521,35 USD	25.629.101.540	29.852.047.819
NH Natixis chi nhánh TPHCM	-	6.578.539.964
Ngân hàng HSBC - 567.632,47 USD	10.183.894.144	20.604.221.614
Các khoản nợ ngắn hạn VND	<b>11.998.129.264</b>	-
Ngân hàng Eximbank	4.677.720.000	-
Ngân hàng Chinatrust	4.507.909.264	-
Công ty Tài chính hóa chất Việt Nam	2.812.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>124.924.509.627</b>	<b>85.793.866.751</b>
<b>13. Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà cung cấp trong nước	16.515.644.139	9.271.265.358
Nhà cung cấp nước ngoài	2.625.660.506	1.569.649.959
Công nợ phải trả tại các đơn vị	1.736.160.308	816.125.493
<b>Cộng</b>	<b>20.877.464.953</b>	<b>11.657.040.810</b>
<b>14. Người mua trả tiền trước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khách hàng bao tiêu trả ngay	450.812.073	1.127.366.388
Đại lý hoa hồng	19.653.314	40.006.250
Khách hàng nước ngoài	1.435.989.207	191.273.747
Khách hàng tại các chi nhánh	144.213.009	126.219.619
Khách hàng lẻ	11.496.027	34.007.522
<b>Cộng</b>	<b>2.062.163.630</b>	<b>1.518.873.526</b>
<b>15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế phải nộp Nhà nước	13.595.316.748	16.852.199.172
- Thuế GTGT	4.854.113.459	4.284.345.383
- Thuế XNK	-	(28.563.803)
- Thuế TNDN	8.199.199.133	10.680.072.162
- Tiền thuê đất	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	216.189.515	1.916.345.430
- Các loại thuế khác	325.814.641	
Các khoản phải nộp khác		
- Các khoản phí, lệ phí		
<b>Cộng</b>	<b>13.595.316.748</b>	<b>16.852.199.172</b>
<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>

	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.497.529.601	1.383.220.506
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	90.076.640	169.861.730
Hoa hồng, chiết khấu phải trả	11.608.434.478	9.666.831.120
Cổ tức tạm tính	-	6.164.777.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	534.949.501	13.300.368
<b>Cộng</b>	<b>13.730.990.220</b>	<b>17.397.990.724</b>
<b>17. Dự phòng phải trả ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng bảo hành sản phẩm (*)	3.728.043.854	3.576.407.376
<b>Cộng</b>	<b>3.728.043.854</b>	<b>3.576.407.376</b>

(\*) Việc trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm được căn cứ trên tỷ lệ bảo hành thực tế trong năm 2009, số lượng hàng bán còn trong thời hạn bảo hành và giá trị thu hồi ước tính của các sản phẩm bảo hành tương ứng.

<b>18. Các khoản vay và nợ dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.040.000.000	1.390.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	76.117.136
Vay dài hạn	22.912.153.163	
Ngân hàng Chinatrust	2.253.954.634	
Ngân hàng Eximbank	13.353.682.995	
Công ty Tài chính hóa chất Việt Nam	7.304.515.534	
<b>Cộng</b>	<b>23.952.153.163</b>	<b>1.466.117.136</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a, Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02)**

**b, Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của nhà nước (TCT Hóa chất Việt Nam)	104.955.100.000	83.964.100.000
Vốn góp của các đối tượng khác	100.397.620.000	81.035.900.000
<b>Cộng</b>	<b>205.352.720.000</b>	<b>165.000.000.000</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ: 361.512 Cổ phần với tổng giá trị là: 14.376.110.657 VNĐ

**c, Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận**

<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>



- Vốn góp đầu năm	165.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	40.352.720.000	45.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	205.352.720.000	165.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>35.127.545.000</b>	<b>17.385.223.000</b>

**d, Cổ tức**

**Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:**

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 15%

<b>d, Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.535.272	16.500.000
Số lượng cổ phiếu phát hành	20.535.272	16.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được mua lại	361.512	302.780
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.173.760	16.197.220
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.173.760	16.197.220
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng	10.000 đồng

Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam - Cổ đông đại diện nhà nước, nắm giữ 51,11% cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, bằng 10.495.510 cổ phần, tương đương 104.955.100.000 VND.

**e, Các quỹ của doanh nghiệp**

(\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được bổ sung từ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn và giảm 50%) với mục đích là để chuẩn bị nguồn cho các kế hoạch đầu tư phát triển trong tương lai của Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ từ 5% và sẽ dùng lại khi bằng 10% vốn điều lệ với mục đích để bù đắp các khoản tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan và bù lỗ trường hợp kinh doanh thua lỗ.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.**

<b>20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Tổng doanh thu	1.305.359.931.082	1.241.778.102.649
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1.305.359.931.082	1.241.778.102.649
Các khoản giảm trừ doanh thu	576.686.432	572.928.190
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	4.023.500	359.600
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	572.662.932	572.568.590
Doanh thu thuần, trong đó	1.304.783.244.650	1.241.205.174.459
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1.304.783.244.650	1.241.205.174.459

21. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	929.098.340.338	999.709.581.283
Giá vốn dịch vụ cung cấp	982.889.148.205	945.918.773.416
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(53.790.807.867)	53.790.807.867
<b>Cộng</b>	<b>929.098.340.338</b>	<b>999.709.581.283</b>

22. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.241.374.049	7.124.477.897
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.214.386.339	3.591.334.717
Doanh thu hoạt động tài chính khác	53.020.000	119.518.000
<b>Cộng</b>	<b>21.508.780.388</b>	<b>10.835.330.614</b>

23. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.931.237.449	6.120.056.400
Chiết khấu thanh toán (cho khách hàng và các đại lý)	75.270.528.388	64.226.141.769
Lỗ chênh lệch tỷ giá	35.829.289.116	15.151.881.463
<b>Cộng</b>	<b>116.031.054.953</b>	<b>85.498.079.632</b>

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	
	VND	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	780.363.593.204	819.103.228.672
Chi phí nhân công	99.037.024.953	97.865.657.467
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.899.348.374	14.050.556.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.615.026.991	5.838.681.803
Chi phí khác bằng tiền	20.085.122.585	20.161.608.507
<b>Cộng</b>	<b>945.000.116.107</b>	<b>957.019.733.442</b>

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ	Năm nay	
	VND	
<b>Chỉ tiêu</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	177.486.155.569	
+ Điều chỉnh tăng	19.832.020.546	
- Chi phí vượt định mức 10%	18.356.393.769	

- Chi phí không tính thuế	1.475.626.777
Tổng thu nhập chịu thuế	197.318.176.115
Thu nhập khác	268.598.256
Thuế TNDN phần thu nhập khác	67.149.564
Thuế TNDN phát sinh trong năm theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	5.032.101.196
Tổng thu nhập chịu thuế được miễn giảm thuế TNDN 50%	197.049.577.859
Thuế suất 25%	49.262.394.465
Miễn giảm thuế TNDN 50%	24.631.197.232
Thuế TNDN hiện hành phải nộp	29.730.447.992
Thuế TNDN hoãn lại	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>147.755.707.577</b>

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	147.755.707.577	77.770.736.210
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	147.755.707.577	77.770.736.210
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm:	16.286.403	14.243.725
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu):	9.072	5.460

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.**

27. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.040.000.000	1.390.000.000
	<b>1.040.000.000</b>	<b>1.390.000.000</b>

**VIII Những thông tin khác**

1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không phát sinh

2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm là số cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội -

CPA HANOI.

3 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

4 Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

5 Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>		
<b>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	24.37%	21.57%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	75.63%	78.43%
<b>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	37.93%	38.65%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	62.07%	61.35%
<b>2 Khả năng thanh toán</b>		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2.64	2.59
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2.20	2.04
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.24	0.32
<b>3 Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	13.60%	7.30%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	11.32%	6.27%
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	30.19%	17.91%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	25.13%	15.37%

Kế toán trưởng



Lê Hữu Nghị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2010



Trần Thanh Văn

**Phu lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
<b>I Nguyên giá TSCĐ</b>					
<b>1 Số dư đầu kỳ</b>	<b>30.393.334.409</b>	<b>156.913.599.129</b>	<b>7.690.186.053</b>	<b>3.494.778.864</b>	<b>198.491.898.455</b>
2 Số tăng trong kỳ	1.338.063.688	48.203.933.480	1.886.216.930	1.108.828.598	52.537.042.696
- Mua sắm mới	1.338.063.688	48.203.933.480	1.886.216.930	1.108.828.598	52.537.042.696
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3 Số giảm trong kỳ	-	29.536.062	476.274.091	82.462.000	588.272.153
- Thanh lý	-	-	476.274.091	82.462.000	558.736.091
- Giảm khác	-	29.536.062	-	-	29.536.062
<b>4 Số cuối kỳ</b>	<b>31.731.398.097</b>	<b>205.087.996.547</b>	<b>9.100.128.892</b>	<b>4.521.145.462</b>	<b>250.440.668.998</b>
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1 Số đầu kỳ</b>	<b>20.996.864.742</b>	<b>111.977.501.793</b>	<b>5.515.017.937</b>	<b>1.652.597.839</b>	<b>140.141.982.311</b>
2 Khấu hao trong kỳ	1.465.826.764	15.466.391.776	631.385.219	800.653.730	18.364.257.489
	1.465.826.764	15.373.665.884	631.385.219	794.598.267	18.265.476.134
	-	92.725.892	-	6.055.463	98.781.355
3 Giảm trong kỳ	-	-	417.183.182	82.462.000	499.645.182
- Thanh lý	-	-	417.183.182	82.462.000	499.645.182
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>4 Số cuối kỳ</b>	<b>22.462.691.506</b>	<b>127.443.893.569</b>	<b>5.729.219.974</b>	<b>2.370.789.569</b>	<b>158.006.594.618</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>					
<b>1 Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>9.396.469.667</b>	<b>44.936.097.336</b>	<b>2.175.168.116</b>	<b>1.842.181.025</b>	<b>58.349.916.144</b>
<b>2 Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>9.268.706.591</b>	<b>77.644.102.978</b>	<b>3.370.908.918</b>	<b>2.150.355.893</b>	<b>92.434.074.380</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp cầm cố các khoản vay: 22.215.836.794

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết những vẫn còn sử dụng: 74,001,884,469

**Phu lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm trước</b>							
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>17.370.000.000</b>	-	<b>26.526.852.539</b>	<b>4.831.747.714</b>	<b>26.294.056.642</b>	<b>195.022.656.895</b>
- Tăng vốn trong năm trước	45.000.000.000	45.000.000.000	-	-	-	-	90.000.000.000
- Lãi trong năm trước		-	-			77.770.736.210	77.770.736.210
- Tăng khác		-	-	16.080.216.228	3.246.869.472	-	19.327.085.700
- Giảm vốn trong năm trước				12.743.682.257			
- Lỗ trong năm trước		-	-	-	-	-	-
- Giảm khác		80.000.000	-			63.072.076.856	63.152.076.856
<b>4. Số cuối năm trước</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>62.290.000.000</b>	<b>(12.743.682.257)</b>	<b>42.607.068.767</b>	<b>8.078.617.186</b>	<b>40.992.715.996</b>	<b>306.224.719.692</b>
<b>Năm nay</b>							
<b>1. Số đầu kỳ</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>62.290.000.000</b>	<b>(12.743.682.257)</b>	<b>42.607.068.767</b>	<b>8.078.617.186</b>	<b>40.992.715.996</b>	<b>306.224.719.692</b>
Tăng vốn trong năm nay	40.352.720.000	5.088.755	-	-	-	-	40.357.808.755
Lãi trong năm nay	-	-	-			147.755.707.577	147.755.707.577
Tăng khác	-	-	-	32.018.982.611	7.387.785.379	-	39.406767.991
Giảm vốn trong năm nay			1.623.428.400	40.325.720.000			41.976.148.400
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác						87.863.574.672	87.863.574.672
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>205.352.720.000</b>	<b>62.295.088.755</b>	<b>(14.367.110.657)</b>	<b>34.273.331.378</b>	<b>15.466.402.565</b>	<b>100.884.848.901</b>	<b>403.905.280.942</b>

#### IV. Bản giải trình chênh lệch giữa báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

##### 1, BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	TÀI SẢN	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>506.629.984.777</b>	<b>506.629.984.777</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>113.974.419.450</b>	<b>113.988.863.480</b>	<b>14.444.030</b>
2	Các khoản phải thu khác	72.145.252	86.589.282	14.444.030
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>174.593.781.100</b>	<b>174.579.337.070</b>	<b>(14.444.030)</b>
1	Hàng tồn kho	174.593.781.100	174.579.337.070	(14.444.030)
<b>TT</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>669.892.293.578</b>	<b>669.892.293.578</b>	<b>0</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>254.196.334.490</b>	<b>254.078.456.645</b>	<b>(117.877.845)</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>230.244.181.327</b>	<b>230.126.303.482</b>	<b>(117.877.845)</b>
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	13.713.194.593	13.595.316.748	(117.877.845)
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>415.695.959.088</b>	<b>415.813.836.933</b>	<b>117.877.845</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>404.656.162.813</b>	<b>404.848.303.701</b>	<b>192.140.887</b>
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		943.022.759	943.022.759
7	Quỹ đầu tư phát triển	34.432.466.469	34.273.331.378	-159.135.091
8	Quỹ dự phòng tài chính	15.507.659.811	15.466.402.565	-41.257.246
9	Lợi nhuận chưa phân phối	101.435.338.436	100.884.848.901	-550.489.535
<b>II</b>	<b>Quỹ khác</b>	<b>11.039.796.274</b>	<b>10.965.533.232</b>	<b>-74.263.042</b>

##### 2, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22.983.082.668	21.508.780.388	(1.474.302.280)
7	Chi phí tài chính	116.562.334.474	116.031.054.953	(531.279.521)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	178.160.580.072	177.217.557.313	(943.022.759)
15	Chi phí thuế hiện hành	29.848.325.837	29.730.447.992	(117.877.845)
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	148.580.852.491	147.755.707.577	(825.144.914)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.123	9.072	(0.51)

**Lý do chênh lệch:**

1	Điều chỉnh giảm thu nhập hoạt động tài chính là do điều chỉnh chênh lệch tỷ giá: số dư tài khoản tiền gửi, các khoản phải thu, vay ngắn hạn ngân hàng ...có gốc ngoại tệ.	(1.474.302.280)
2	Điều chỉnh giảm chi phí tài chính là do điều chỉnh chênh lệch tỷ giá khoản phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	(531.279.521)
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.	(943.022.759 )

**Giải thích :**

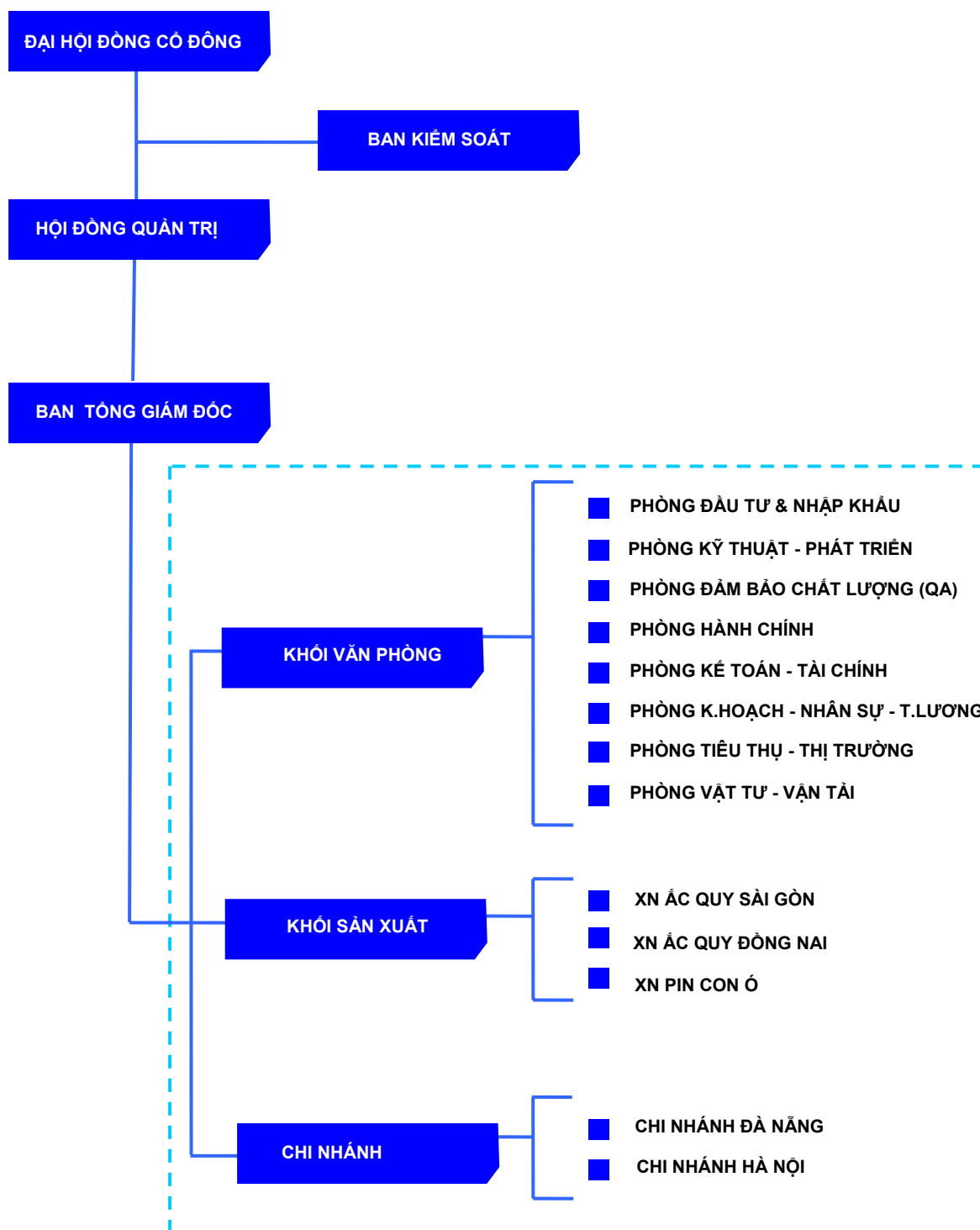
Thông tư của Bộ tài chính mới ban hành quy định về hạch toán chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, Công ty chưa cập nhật kịp, nên kiểm toán điều chỉnh 2 khoản trên dẫn tới kết quả kinh doanh giảm 943.022.759 đồng (Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh), đồng thời ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Bảng tổng kết tài sản).

Xuất phát từ thay đổi Lợi nhuận trước thuế nên một loạt các khoản khác cũng thay đổi liên quan: Thuế TNDN, Lợi nhuận sau thuế, phân chia các quỹ cũng được điều chỉnh theo cho phù hợp quy định (Trong Báo cáo kết quả kinh doanh và Bảng tổng kết tài sản).



## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC.

- Sơ đồ tổ chức:



### Thông tin bổ nhiệm Phó tổng Giám đốc .

Bổ nhiệm bà Nguyễn Bảo Hạnh – Trưởng phòng tiêu thụ thị trường giữ chức vụ Phó tổng giám đốc kể từ ngày 01/02/2010.

### Thông tin về tình hình lao động trong công ty:

TIÊU CHÍ	31/12/2008	31/12/2009
<b>A. Phân theo trình độ lao động:</b>	<b>1.058</b>	<b>1.165</b>
- Trên Đại học, Đại học	199	210
- Cao đẳng, Trung cấp, công nhân kỹ thuật	160	249
- Phổ thông trung học + khác	709	706
<b>B. Phân theo hợp đồng lao động</b>	<b>1.068</b>	<b>1.165</b>
- Hợp đồng không xác định thời hạn	811	862
- Hợp đồng từ 1 – 3 năm	177	232
- Hợp đồng dưới 1 năm	80	71
<b>. C. Thu nhập bình quân (đồng/tháng)</b>	<b>4.805.000</b>	<b>5.093.500</b>

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### 1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (1.000VND)	Tỷ lệ (%)
01	Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.	Số 1A Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	10.495.510	104.955.100	51,11
<b>Tổng cộng</b>			<b>10.495.510</b>	<b>104.955.100</b>	<b>51,11</b>

## VII. THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BKS, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà: Nguyễn Thị Kim Thảo <i>Chủ tịch HĐQT</i>	Ông: Trần Thanh Văn <i>Thành viên HĐQT</i>	Ông: Lê Hữu Nghị <i>Thành viên HĐQT</i>
Ông: Mai Văn Hùng <i>Thành viên HĐQT</i>	Bà: Phạm Kiều Diễm <i>Thành viên HĐQT</i>	

### BAN KIỂM SOÁT

Ông: Ngô Đình Luyện <i>Trưởng ban kiểm soát</i>	Ông: Tạ Duy Linh <i>Thành viên ban kiểm soát</i>	Ông: Vũ Nhất Tâm <i>Thành viên ban kiểm soát</i>
--	---	---

### BAN GIÁM ĐỐC

Ông: Trần Thanh Văn <i>Tổng giám đốc</i>	Ông: Trương Võ Văn Chính <i>Phó tổng giám đốc</i>	Bà: Nguyễn Bảo Hạnh <i>Phó tổng giám đốc</i>
---	--	---

#### Quyền lợi liên quan của thành viên HĐQT:

Không có giao dịch nào của Công ty liên quan đến quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc.

**Số lượng cổ phần sở hữu và những thay đổi cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc.**

Thành viên	Số đầu năm	Mua b/sung phát hành	Bán	Số cuối năm
<b>Thành viên HĐQT</b>				
1. Nguyễn Thị Kim Thảo	56.900	19.850	-	76.750
2. Trần Thanh Văn	40.730	15.180	-	55.910
3. Lê Hữu Nghị	35.740	13.310	2500	46.050
4. Mai Văn Hùng	40.420	14.480	-	54.900
5. Phạm Kiều Diễm	26.730	10.420	2.530	34.620
<b>Thành viên BKS</b>				
1. Ngô Đình Luyện	26.240	10.930	-	37.170
2. Tạ Duy Linh	11.260	6.440	500	17.200
3. Vũ Nhất Tâm	14.270	6.480	3.340	17.410
<b>Ban Tổng giám đốc</b>				
1. Trương Võ Văn Chính	86.140	25.910	-	112.050

**Thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hưởng thù lao là : 3.000.000 đồng /tháng
- Các thành viên HĐQT hưởng thù lao là : 2.500.000 đồng /tháng
- Trưởng ban kiểm soát hưởng thù lao là : 2.500.000 đồng /tháng
- Các thành viên BKS hưởng thù lao là : 2.000.000 đồng /tháng

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

### Tình hình hoạt động cổ phiếu PINACO năm 2008

Mã chứng khoán	<b>PAC</b>
Ngày niêm yết trên SDDCK TP.HCM	12/12/2006
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.535.272 cổ phiếu
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá trị vốn hóa thời điểm 31/12/2009 (74.000 đồng/cp)	<b>1.519.610.128.000 đồng</b>
Số lượng cổ đông	950 cổ đông

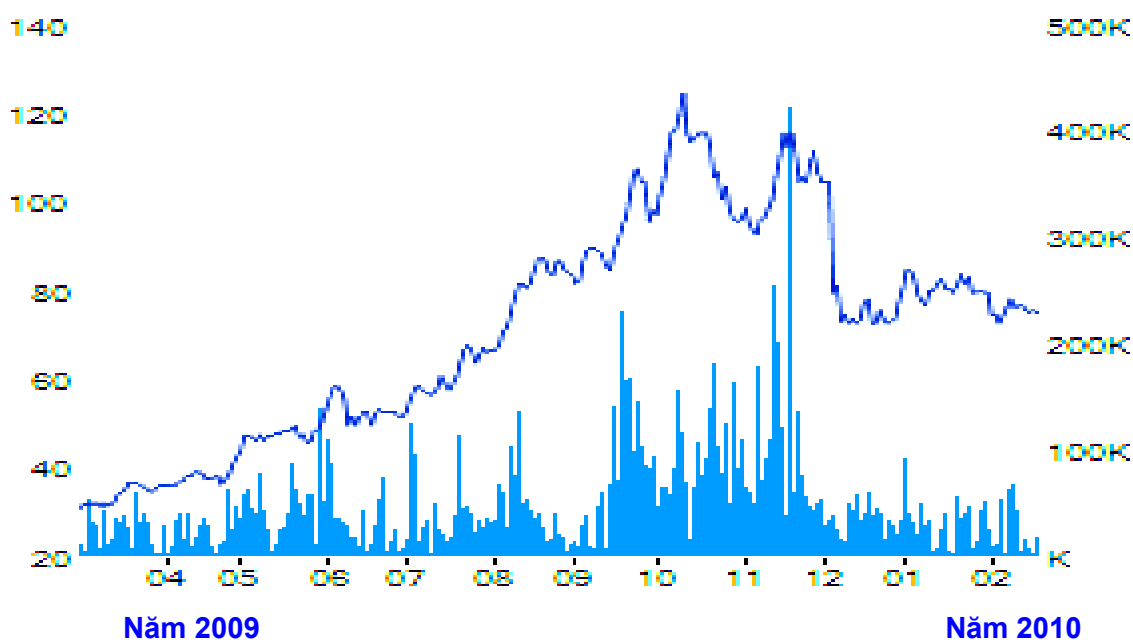
<b>CƠ CẤU CỔ ĐÔNG</b>	<b>VỐN CỔ PHẦN</b>	<b>TỶ LỆ SỞ HỮU</b>
<b>I/ CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI</b>	<b>65.005.370.000</b>	<b>31,66 %</b>
1. Pháp nhân	63.788.370.000	31,06 %
2. Thẻ nhân	1.217.000.000	0,60 %
<b>II/ CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC</b>	<b>136.732.230.000</b>	<b>66,58 %</b>
1. Pháp nhân Nhà nước	104.955.100.000	51,11 %
2. Pháp nhân khác	9.285.330.000	4,52%
3. Thẻ nhân	22.491.800.000	10,95%
<b>III/ CỔ PHIẾU QUỸ</b>	<b>3.615.120.000</b>	<b>1,76%</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>205.352.720.000</b>	<b>100 %</b>

### Những thay đổi về vốn cổ đông:

Đơn vị tính : tr. Đồng

<b>CỔ ĐÔNG</b>	<b>Vốn cổ đông Đầu năm</b>	<b>Vốn góp bổ sung Trong năm</b>	<b>Vốn cổ đông Cuối năm</b>
Nhà nước	83.964.100.000	20.991.000.000	104.955.100.000
Cổ đông khác	78.008.100.000	18.777.400.000	96.782.500.000
Cổ phiếu quỹ	3.027.800.000	587.320.000	3.615.120.000
<b>Tổng công</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>40.352.720.000</b>	<b>205.352.720.000</b>

## Thông tin về giá chứng khoán PAC



### Danh sách 10 cổ đông có tỷ lệ sở hữu lớn nhất.

TÊN CỔ ĐÔNG	VỐN CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1. Tổng công ty hóa chất Việt Nam	104.955.100.000	51,11 %
2. Vietnam Holding ltd	9.767.100.000	4,76%
3. Kitmc worldwide VietNam rsp balanced fund	9.586.600.000	4,67%
4. PCA international fund spc	7.769.700.000	3,78%
5. Vietnam Lotus fund limited	5.000.000.000	2,43%
6. Tong yang Viet Nam	4.884.100.000	2,38%
7. Frankilin templeton investment	3.713.000.000	1,81%
8. Kitmc worldwide VietNam fund 1	2.805.100.000	1,37%
9. Bảo hiểm nhân thọ Việt Nam	2.586.100.000	1,26%
10. . Kitmc worldwide VietNam fund 2	2.293.700.000	1,12%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>153.360.500.000</b>	<b>74,68 %</b>

## IX. THÔNG TIN VỀ VẮC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

### **a. Các xí nghiệp:**

#### **Xí nghiệp Pin Con Ó**

---

Cở sở 1:

Địa chỉ: 752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Điện Thoại: (84 8) 38750 556 – 37516 705 ;

Fax: (84 - 08) 38750 190

---

Cở sở 2:

Địa chỉ: 445 - 447 Gia Phú, Phường 3, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 8) 39671408;

Fax: (84 8) 39671281

---

#### **Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai**

---

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (84 61) 3836 789 – 3836 116;

Fax: (84 61) 3835 546

---

#### **Xí nghiệp Ấc quy Sài Gòn**

---

Địa chỉ: Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 8) 38553 730;

Fax: (84 8) 38511 281

---

#### **Các chi nhánh**

---

##### **Chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ: 319 Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 36 557 634;

Fax: (84 4) 39 330 728

---

##### **Chi nhánh Đà Nẵng**

---

Địa chỉ: Số 212 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (84 511) 3 649 957;

Fax: (84 511) 3649 956

---

##### **Cửa hàng giới thiệu sản phẩm**

##### **Cửa hàng giới thiệu sản phẩm**

Địa chỉ: 321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84 8) 8368 529

---

##### **Cửa hàng giới thiệu sản phẩm**

Địa chỉ: 21 - 23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 8) 293 932

---

##### **Cửa hàng giới thiệu sản phẩm**

Địa chỉ: 752 Hậu Giang, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 8) 38752 230

---

##### **Trung tâm Bảo hành**

##### **Trung tâm Bảo hành Khu vực TP HCM**

Địa chỉ: Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 8) 37 541.151;

Fax: (84 8) 37 541.151

---

##### **Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Bắc**

Địa chỉ: 319 Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 36 557 634;

Fax: (84 4) 39 330 728

---

##### **Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Trung**

Địa chỉ: Số 212 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3 649 957;

Fax: (84 511) 3649 956

---

Ngoài ra mạng lưới bảo hành được tổ chức tại 300 điểm bảo hành ở khắp 63 Tỉnh thành tại các đại lý bán hàng và nhà phân phối sản phẩm của PINACO.

**TP. HCM, Ngày 18 tháng 3 năm 2010**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**NGUYỄN THỊ KIM THẢO**